

Bảng tổng hợp ý kiến các đơn vị đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng
- Thông tư số 18 (dự thảo Thông tư)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán) - NHNN đã tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (dự thảo Thông tư) và đăng tải dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử NHNN để lấy ý kiến rộng rãi đối với tổ chức, cá nhân liên quan. Đến nay, NHNN nhận được ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, tổ chức, NHNN đã tổng hợp các ý kiến góp ý và tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý như sau:

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
Điều 3. Giải thích từ ngữ 15. Chủ thẻ phụ là cá nhân được chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ và chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.	Điều 3. Giải thích từ ngữ 15. Chủ thẻ phụ là cá nhân được chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ bằng văn bản (đối với chủ thẻ chính là cá nhân) hoặc được chủ thẻ chính ủy quyền bằng văn bản cho phép sử dụng thẻ của tổ chức (đối với chủ thẻ chính là tổ chức). Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.	MB	1. Tại khoản 15 Điều 3, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 12, đề xuất Cơ quan soạn thảo làm rõ các nội dung sau : - Phạm vi sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ theo cơ chế “cho phép” và cơ chế “ủy quyền”. - Vai trò, trách nhiệm trong việc sử dụng thẻ của “đại diện theo ủy quyền” của tổ chức và “chủ thẻ phụ”. 2. Đề xuất sửa như sau: “Điều 3. Giải thích từ ngữ 15. Chủ thẻ phụ là cá nhân được chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ bằng văn bản (đối với chủ thẻ chính là cá nhân) hoặc được chủ thẻ chính ủy quyền bằng văn bản cho phép sử dụng thẻ của tổ chức (đối với chủ thẻ chính là tổ chức). Chủ thẻ chính <u>cam kết bằng văn bản/Phương thức điện tử qua ứng dụng của TCTD, cam kết thực hiện</u> toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.” Cơ sở đề xuất: Điều 10 Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định: “1. TCPHT phải xây dựng, ban hành quy định nội bộ về quy trình, thủ tục phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử phù hợp với quy định tại	Nội dung này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư và sẽ được nghiên cứu chỉnh sửa phù hợp. Văn bản bao gồm văn bản điện tử theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			Thông tư này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng và an toàn hoạt động của TCPHT, bao gồm tối thiểu các bước như sau: ...” => Đăng ký trực tuyến qua ứng dụng của TCTD: Việc này giúp chủ thẻ chính dễ dàng và nhanh chóng đăng ký thẻ phụ cho người thân mà không cần đến quầy giao dịch.	
		VCB	Đề nghị làm rõ: Đối với thẻ tổ chức, trường hợp chủ thẻ chính là cá nhân ủy quyền của tổ chức (nhân viên của công ty), không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của tổ chức có được phép ủy quyền bằng văn bản cho phép sử dụng thẻ tổ chức cho 1 cá nhân đứng vai trò là thẻ phụ không?	Nội dung này đã quy định tại dự thảo Thông tư.
		VIB	Nội dung tại đây không giải thích về cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ chính của tổ chức. Vậy chủ thẻ chính là tổ chức có được phép ủy quyền sử dụng thẻ chính cho cá nhân (Vd: người đại diện hợp pháp) hay không?	Theo quy định tại khoản 15 Điều 3 và khoản 1 Điều 15, chủ thẻ chính là tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng thẻ của tổ chức đó theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về ủy quyền.
		HSBC	Đề xuất NHNN điều chỉnh như sau: “15. Chủ thẻ phụ là cá nhân được chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ bằng văn bản giấy hoặc hình thức khác (đối với chủ thẻ chính là cá nhân) hoặc được chủ thẻ chính ủy quyền bằng văn bản cho phép sử dụng thẻ của tổ chức (đối với chủ thẻ chính là tổ chức). Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.” Lý do: Điều 10 khoản 3 Thông tư này cho phép	Văn bản bao gồm văn bản điện tử. Theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			các Ngân hàng được mở thẻ phụ bằng phương thức điện tử (trừ trường hợp các đối tượng được đề cập tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 15 Thông tư này). Do đó, hình thức chủ thẻ chính cho phép chủ thẻ phụ sử dụng thẻ cần cần được bổ sung để hỗ trợ trường hợp mở thẻ phụ qua phương thức điện tử do hình thức chấp nhận không thẻ bằng văn bản (chữ ký sống).	
24. Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán bao gồm Point of Sale (viết tắt là POS), Mobile Point of Sale (viết tắt là mPOS) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác là các loại thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ. Thiết bị chấp nhận thẻ có thể được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch của TCTTT để cung ứng tiền mặt cho chủ thẻ theo thỏa thuận giữa TCTTT và TCPHT phù hợp với phạm vi sử dụng thẻ theo quy định tại Thông tư này.	24. Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán bao gồm Point of Sale (viết tắt là POS), Mobile Point of Sale (viết tắt là mPOS) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác là các loại thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ. Thiết bị chấp nhận thẻ có thể được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch, điểm đại lý thanh toán (theo quy định tại thông tư quy định về hoạt động đại lý thanh toán) của TCTTT để cung ứng tiền mặt cho chủ thẻ theo thỏa thuận giữa TCTTT và TCPHT phù hợp với phạm vi sử dụng thẻ theo quy định tại Thông tư này.	ACB	ACB đề xuất về việc mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tại đại lý thanh toán: - Cần phải bổ sung các điều khoản có liên quan đến điểm đại lý thanh toán tại thông tư 18/2024/TT-NHNN (dự thảo). - Tại Điều 2.6 của TT 07/2024/TT-NHNN cần làm rõ điều kiện pháp lý và quy mô hoạt động của tổ chức khác áp dụng hình thức cung ứng tiền mặt tại điểm đại lý thanh toán .	Nội dung cụ thể về điểm đại lý thanh toán được quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-NHNN.
		VCB	1. Đề nghị xuất NHNN xem xét bỏ nội dung "để cung ứng tiền mặt cho chủ thẻ" để phù hợp với quy định tại Thông tư quy định về hoạt động đại lý thanh toán cho phép các nghiệp vụ thanh toán gồm: nộp/rút tiền mặt, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ,... (không chỉ ở phạm vi cung ứng tiền mặt cho chủ thẻ). 2. Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ của "điểm đại lý thanh toán của TCTTT" để làm rõ và xác định đúng chức năng, phạm vi thực hiện của điểm đại lý thanh toán đáp ứng quy định thông tư 07/2024/TT-NHNN ngày 21/06/2024 và tránh việc các NH vận dụng để phát triển các đơn vị hoạt động không đúng loại hình kinh doanh đăng kí.	1. Dự thảo Thông tư sửa đổi phù hợp với quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-NHNN 2. Điểm đại lý thanh toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-NHNN
		Sacombank	- Theo Điều 4.3.b Thông tư 07/2024/TT-NHNN, hoạt động nộp/rút tiền mặt chỉ áp dụng với thẻ ghi nợ/thẻ trả trước định danh do bên giao đại lý phát hành. Theo đó, trường hợp này, bên giao đại lý hiểu	Việc rút tiền mặt tại POS cần phải thực hiện theo thỏa thuận giữa TCPHT và TCTTT. Trong trường hợp rút tiền mặt tại điểm đại lý, cần

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>là TCPHT, không phải TCTTT.</p> <p>- Đề xuất điều chỉnh câu chữ để phù hợp Thông tư 07.</p> <p>Đảm bảo tính thống nhất giữa Thông tư 07 và dự thảo Thông tư 18.</p>	<p>phải thực hiện theo quy định về hoạt động đại lý thanh toán tại Thông tư số 07 (có thể hiểu TCPHT lúc này phải đồng thời là TCTTT).</p>
		MB	<p>1. Đề xuất Cơ quan soạn thảo làm rõ quy định về việc vận hành và quản lý POS tại điểm đại lý thanh toán, trong đó làm rõ:</p> <p>+ Bên đại lý sẽ quản lý POS với vai trò nơi đặt POS (chỉ quản lý về mặt vật lý); hay</p> <p>+ Bên đại lý có nghĩa vụ vận hành, quản lý giao dịch tại POS và tính hạn mức rút tiền mặt tại POS vào hạn mức giao dịch theo Điều 5, Khoản 1, điểm a Thông tư 07/2024/TT-NHNN (Hạn mức giao dịch (bao gồm giao dịch nộp và rút tiền mặt) đối với khách hàng cá nhân, tối đa là 20 triệu đồng/khách hàng/ngày).</p> <p>2. Đề xuất Cơ quan soạn thảo quy định rõ tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo mật thiết bị chấp nhận thẻ. Với lý do: Việc quy định rõ tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo mật thiết bị chấp nhận thẻ sẽ tạo thuận lợi cho khách hàng rút tiền qua đại lý nếu đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo mật thiết bị chấp nhận thẻ theo quy định.</p> <p>Cơ sở đề xuất: Điểm b Khoản 3, Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-NHNN quy định phạm vi hoạt động Đại lý thanh toán có bao gồm triển khai: Nộp/rút tiền mặt vào/từ thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh của khách hàng do bên giao đại lý phát hành.</p> <p>- Tuy nhiên, Thông tư 07/2024/TT-NHNN chưa có quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của Bên giao đại lý, Bên đại lý trong việc thiết lập, vận hành POS tại đại lý thanh toán.</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-NHNN.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
Điều 9. Thủ tục phát hành thẻ 2. Trước khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ theo yêu cầu của khách hàng, TCPHT yêu cầu chủ thẻ cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhằm nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan: a) Trường hợp khách hàng cá nhân là người Việt Nam, TCPHT yêu cầu khách hàng cung cấp giấy tờ tùy thân để nhận biết khách hàng: Thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) hoặc Chứng minh nhân dân;	Điều 9. Thủ tục phát hành thẻ 2. Trước khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ theo yêu cầu của khách hàng, TCPHT yêu cầu chủ thẻ cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhằm nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan: a) Trường hợp khách hàng cá nhân là người Việt Nam, TCPHT yêu cầu khách hàng cung cấp giấy tờ tùy thân để nhận biết khách hàng: Thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) hoặc Giấy khai sinh đối với người dưới 14 tuổi;	BIDV	Đề nghị NHNN bổ sung: (ii) Trường hợp khách hàng sử dụng các loại giấy tờ tùy thân khác, TCPHT phải gặp mặt trực tiếp khách hàng và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó (nếu trên GTTT có thông tin sinh trắc học của Khách hàng) Do hiện tại GTTT loại khác có Giấy khai sinh (GKS) với trẻ dưới 14 tuổi và không có thông tin sinh trắc học của Khách hàng trên GKS.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
d) Trường hợp khách hàng tổ chức, TCPHT yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu để nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định tại Điều này; bao gồm các tài liệu, thông tin, dữ liệu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của tổ chức khác (sau đây gọi tắt là đại diện hợp pháp).	d) Trường hợp khách hàng tổ chức, TCPHT yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu để nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định tại Điều này; bao gồm các tài liệu, thông tin, dữ liệu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của tổ chức khác (sau đây gọi tắt là đại diện hợp pháp) và chủ thẻ phụ.	MB	1. Đề xuất Cơ quan soạn thảo làm rõ cụm từ “ đại diện theo ủy quyền của tổ chức khác ” được hiểu như thế nào? 2. Đề xuất Cơ quan soạn thảo bổ sung quy định miễn trừ yêu cầu KYC lại trong cùng hệ thống khi phát hành thẻ với tài khoản đang hoạt động hợp pháp. Với lý do: Nếu tổ chức đã hoàn thành KYC trong mở tài khoản thì việc yêu cầu lại khi phát hành thẻ có thể gây dư thừa, nhất là với thẻ phi vật lý.	1. Tiếp thu, nghiên cứu sửa đổi phù hợp tại dự thảo Thông tư. 2. Nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thẻ, TCPHT thực hiện định danh khách hàng trước khi phát hành thẻ.
		VCB	Đề nghị làm rõ: 1. Các tài liệu, thông tin, dữ liệu của chủ thẻ chính trong trường hợp chủ thẻ chính không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc đại diện	1. Nội dung này đã được quy định tại dự thảo Thông tư. 2. Thẻ được phát hành cho tổ chức phải ủy quyền cho cá nhân (là chủ

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			theo ủy quyền của tổ chức có cần cung cấp hay không ? 2. Bổ sung chữ nếu có: “và chủ thẻ phụ (nếu có)”. Lý do: vì một số NH không phát hành thẻ phụ cho thẻ công ty/tổ chức.	thẻ phụ) sử dụng.
		Shinhan bank	<p>Đề xuất điều chỉnh như sau: <i>“2. Trước khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ theo yêu cầu của khách hàng, TCPHT yêu cầu chủ thẻ cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhằm nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan:</i> <i>d) Trường hợp khách hàng tổ chức, TCPHT yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu để nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định tại Điều này; bao gồm các tài liệu, thông tin, dữ liệu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức (sau đây gọi chung là người đại diện hợp pháp) và chủ thẻ phụ.”</i></p> <p>Lý do: Cách quy định tại Dự thảo Thông tư có thể gây hiểu nhầm và không rõ đại diện theo ủy quyền của “tổ chức khác” là chủ thẻ nào khi xác định người đại diện hợp pháp. Do vậy, SHBVN đề xuất điều chỉnh nhằm quy định rõ người đại diện hợp pháp – là đối tượng mà TCTD phải nhận biết khách hàng đối với trường hợp khách hàng tổ chức gồm: (i) người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc (ii) người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		Sacombank	<p>Đề xuất điều chỉnh theo định hướng không dẫn chiếu trực tiếp quy định tại Luật PCRT, cụ thể như sau: “Tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng là tổ</p>	Không tiếp thu. Việc xác minh, nhận biết khách hàng phải thực hiện theo quy định pháp luật về PCRT và các quy định pháp luật khác có liên

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>chức: giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có); các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi; kèm theo ...”</p> <p>Lý do: Khoản 1 Điều 12 Luật PCRT hiện đang quy định tài liệu xác minh thông tin nhận biết của KH tổ chức bao gồm Điều lệ công ty.</p> <p>Tuy nhiên, các văn bản được liệt kê tại phần trên đã cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để đáp ứng yêu cầu nhận biết, xác minh thông tin KH theo tinh thần của Luật PCRT. Hơn nữa, việc yêu cầu khách hàng cung cấp Điều lệ có thể kéo dài quy trình xử lý hồ sơ, gây ảnh hưởng đến trải nghiệm dịch vụ của khách hàng. Thêm vào đó, tính chất thường xuyên sửa đổi, bổ sung của Điều lệ đặt ra thách thức trong việc duy trì tính cập nhật của hồ sơ.</p>	quan.
Chưa có quy định	2a. Sau khi nhận đủ tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này, TCPHT thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp và tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và các quy định pháp luật khác có	BIDV	<p>- NHNN phối hợp các Bộ Ban ngành liên quan có phương án/giải pháp kỹ thuật chia sẻ dữ liệu số điện thoại chính chủ cho TCPHT (có thể thông qua VNeID) để thuận tiện cho quá trình xác thực KH.</p> <p>- NHNN nên xem xét thời điểm hiệu lực của điều khoản này phù hợp với thực tế khả năng cung cấp dịch vụ cho Ngân hàng kiểm tra thông tin số điện thoại của KH đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		BIDV	Đề xuất bổ sung làm rõ thời điểm thực hiện xác minh và bổ sung đối tượng TCPHT không bắt buộc phải gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của	Nghiên cứu, tiếp thu tại dự thảo Thông tư. Nội dung này sẽ được thống nhất và đồng bộ với các văn

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
	<p>liên quan. Trong đó:</p> <p>a) Đối với khách hàng là cá nhân:</p> <p>(i) Trường hợp khách hàng sử dụng thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc thẻ căn cước công dân (có bộ phận lưu trữ thông tin) hoặc danh tính điện tử, TCPHT phải gặp mặt trực tiếp khách hàng và thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ thẻ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này;</p> <p>(ii) Trường hợp khách hàng</p>		<p>Tổ chức tại mục c như sau:</p> <p>c) TCPHT không bắt buộc phải gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của tổ chức theo quy định tại điểm b khoản này nếu tại thời điểm TCPHT kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin, tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>....</p> <p>(vi) Các tổ chức đã được TCPHT xác minh đại diện hợp pháp thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ khác và thực hiện kiểm tra đối chiếu sinh trắc học trước đó.</p> <p>Ngoài ra, đề nghị cần đảm bảo thống nhất nội dung này với Thông tư 17/NHNN khi cung cấp dịch vụ tiền gửi/thanh toán để ngân hàng thực hiện xuyên suốt, đảm bảo thống nhất 1 nguyên tắc chung.</p>	<p>bản quy phạm pháp luật có liên quan.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
	<p>sử dụng các loại giấy tờ tùy thân khác, TCPHT phải gấp mặt trực tiếp khách hàng và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó; (iii) TCPHT phải kiểm tra thông tin về số điện thoại của khách hàng đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó.</p> <p>b) Đối với khách hàng là tổ chức: TCPHT phải gấp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của tổ chức thực hiện kiểm tra xác minh thông tin đại diện hợp pháp của tổ chức theo quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) TCPHT không bắt buộc phải gấp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của tổ chức theo quy định tại điểm b khoản này đối với các tổ chức sau:</p> <p>(i) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>(ii) Doanh nghiệp nhà nước;</p> <p>(iii) Các tổ chức niêm yết theo quy định tại Luật chứng khoán.</p>	ACB	<p>ACB kiến nghị:</p> <p>a) Đối với khách hàng là cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp mục (i) và (ii): Trường hợp khách hàng sử dụng thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc thẻ căn cước công dân (có bộ phận lưu trữ thông tin) hoặc danh tính điện tử hoặc các loại giấy tờ tùy thân khác, TCPHT phải thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học (bằng phương pháp gấp mặt trực tiếp hoặc xác thực qua ngân hàng điện tử) của chủ thẻ chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này. - Tại mục (iii) việc kiểm tra thông tin về số điện thoại cần được quy định áp dụng đối với công dân Việt Nam (nếu khách hàng có thông tin số điện thoại trên cơ sở dữ liệu quốc gia để đối chiếu), không áp dụng đối với người nước ngoài vì không có cơ sở dữ liệu để so khớp. <p>b) Đối với khách hàng là tổ chức:</p> <p>TCPHT thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học (bằng phương pháp gấp mặt trực tiếp hoặc xác thực qua ngân hàng điện tử) của Người đại diện hợp pháp.</p> <p>c) Bổ sung thêm vào danh mục các tổ chức không bắt buộc sinh trắc học người đại diện hợp pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp FDI - Doanh nghiệp có người đại diện hợp pháp là người nước ngoài (vì thường không có mặt tại Việt Nam). 	<p>-Việc xác thực qua ngân hàng điện tử thực hiện theo quy định về phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử.</p> <p>- Việc bổ sung thêm các tổ chức nằm trong danh sách khách hàng không cần gấp mặt trực tiếp do TCPHT chủ động lựa chọn và chịu trách nhiệm</p>
		VCB	1. Hiện tại CCCD gắn Chíp của KH/ Hộ chiếu của	- Đối với yêu cầu kiểm tra thông tin số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
	<p>(iv) Các tổ chức thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố vào năm liền trước.</p> <p>(v) Các tổ chức khác do TCPHT lựa chọn và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các rủi ro từ việc lựa chọn này. Danh mục các tổ chức do TCPHT lựa chọn phải được quy định tại quy định nội bộ về phát hành và sử dụng thẻ của TCPHT.</p> <p>TCPHT phải đảm bảo xác minh chính xác về khách hàng phát hành thẻ và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc nhận biết khách hàng tại đơn vị mình.</p> <p>2b. Quy định tại khoản 2a Điều này không áp dụng đối với trường hợp phát hành thẻ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.</p>		<p>KH không có thông tin SĐT của KH</p> <p>2. Việc đối chiếu khớp đúng thông tin Sinh trắc học của chủ thẻ ở đây là đối chiếu thủ công (bằng mắt thường so khớp gương mặt KH với hình ảnh trên GTTT) hay cần đối chiếu với CSDL quốc gia của BCA. Đề xuất làm rõ thông tin đối chiếu thông tin STH với cơ sở dữ liệu của BCA hay do biện pháp thủ công do TCPHT chủ động quyết định.</p> <p>3. Tại Điều 10 - Khoản 1 - điểm b cho phép TCPHT phát hành thẻ bằng PTĐT sau khi thực hiện đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của đại diện hợp pháp (đối với khách hàng tổ chức). Với các trường hợp này KHTC đã sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của TCPHT (là các KH đã được kiểm tra xác minh trước đó), TCPHT sẽ không cần gặp mặt trực tiếp KH, thay vào đó thực hiện kiểm tra sinh trắc học đại diện hợp pháp đã khớp đúng như quy định tại Điều 10. => Đề xuất làm rõ quy định về gặp mặt trực tiếp sẽ không áp dụng với việc phát hành thẻ tổ chức bằng phương thức điện tử.</p>	<p>tại dự thảo Thông tư.</p> <p>- Các nội dung khác đã được quy định tại dự thảo Thông tư.</p>
		VCB	<p>1. Đề nghị bỏ quy định bắt buộc “đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học” tại điểm a khoản 2a Điều 9 đối với trường hợp TCPHT đã gặp mặt trực tiếp KH. Lý do:</p> <p>(i) Việc gặp mặt trực tiếp đã cho phép TCPHT chủ động xác minh KH bằng các biện pháp phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>(ii) Yêu cầu bắt buộc đối chiếu sinh trắc học khi đã gặp mặt là không cần thiết, làm gia tăng thủ tục và chi phí triển khai, đặc biệt tại điểm giao dịch vật lý, gây tăng thời gian xử lý, giải phóng KH chậm.</p> <p>(iii) Quy định cứng về sinh trắc học chưa phù hợp</p>	<p>1. Quy định này đưa ra nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thẻ.</p> <p>2. Đối với yêu cầu kiểm tra thông tin số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo.</p> <p>3. TCPHT có thể chủ động bổ sung các đối tượng khách hàng không cần gặp mặt trực tiếp theo quy định nội bộ do TCPHT ban hành và chịu trách nhiệm.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>với thực tiễn công nghệ và có thể làm phát sinh rào cản khi mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính.</p> <p>2. Với yêu cầu TCPHT phải kiểm tra thông tin về số điện thoại của KH đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó, đề xuất NHNN: xem xét lộ trình áp dụng phù hợp với năng lực thực tế của các TCPHT và có cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa ngân hàng và các doanh nghiệp viễn thông, nhằm hỗ trợ xác thực thông tin thuê bao trùng khớp với giấy tờ tùy thân của KH. Lý do:</p> <p>(i) Hiện tại các ngân hàng, bao gồm VCB, chưa có cơ chế kỹ thuật để truy xuất và đối chiếu trực tiếp thông tin thuê bao từ các nhà mạng. Ảnh hưởng tới việc phát hành thẻ, đặc biệt là phát hành thẻ trên kênh số.</p> <p>(ii) Việc xác minh thông tin chủ thuê bao là quy trình nằm ngoài hệ sinh thái ngân hàng, phụ thuộc hoàn toàn vào dữ liệu quản lý của doanh nghiệp viễn thông.</p> <p>(iii) Áp dụng ngay quy định này sẽ gây nghẽn quy trình phát hành thẻ. Qua thực tế triển khai quy định SĐT chính chủ khi đăng ký Digibank, VCB đã gặp các vướng mắc về KH, tác nghiệp của Ngân hàng, nguồn dữ liệu thuê bao chính chủ,..., từ đó kiến nghị, đề xuất tại CV số 1564 ngày 26/01/2024 gửi Vụ Thanh toán - NHNN</p> <p>3. Đối với KH là tổ chức: Đề xuất điều chỉnh bỏ quy định bắt buộc “đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học” tại điểm a khoản 2a Điều 9 đối với trường hợp TCPHT đã gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của tổ chức. Lý do: như tại Mục 1 nêu trên.</p> <p>4. Đề nghị quy định rõ cách thực thực hiện việc kiểm tra thông tin số điện thoại khớp đúng với</p>	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			thông tin trên "giấy tờ tùy thân" để các NH có cơ sở thực hiện và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, và cơ sở để các NH khai thác dữ liệu phục vụ đối chiếu. Hiện theo thông tin tra cứu về định nghĩa "giấy tờ tùy thân" là CCCD, giấy khai sinh, đăng ký kết hôn,... không có thông tin về số điện thoại.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		VCB	<p>Đề xuất xem xét bỏ quy định yêu cầu đối chiếu thông tin GTTT và STH đối với chủ thẻ phụ từ 6 tuổi đến dưới 15 tuổi. Theo quy định tại điều 9. Thủ tục phát hành, cho phép sử dụng Giấy khai sinh/CCCD khi phát hành thẻ phụ thẻ ghi nợ đối với các bạn thẻ phụ từ 6 tuổi đến dưới 15 tuổi.</p> <p>Theo quy định tại điều 16: Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ đối với thẻ của khách hàng cá nhân, đại diện hợp pháp đối với thẻ của khách hàng tổ chức với....</p> <p>Với khách hàng là chủ thẻ phụ từ 6 tuổi đến dưới 15 tuổi sử dụng giấy khai sinh để phát hành thẻ thì rất khó để đối chiếu giấy tờ và thông tin STH</p>	
		Citibank	<p>Đề nghị NHNN bổ sung quy định hướng dẫn yêu cầu về gặp mặt trực tiếp và thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp của tổ chức trong trường hợp khách hàng tổ chức có nhiều người đại diện hợp pháp.</p> <p>Ngoài ra, chúng tôi cũng xin đề nghị NHNN bỏ yêu cầu thực hiện kiểm tra thông tin về số điện thoại của người đại diện hợp pháp của tổ chức.</p> <p>Chúng tôi đề xuất sửa điểm b, Khoản 2a, Điều 9 như sau:</p> <p>b) Đối với khách hàng là tổ chức: TCPHT phải gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của tổ chức thực</p>	Thực hiện gặp mặt trực tiếp và kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của đại diện hợp pháp đứng ra đại diện ký kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ của tổ chức.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>hiện kiểm tra xác minh thông tin đại diện hợp pháp của tổ chức theo quy định tại tiết (i) và (ii) điểm a khoản này. Trong trường hợp tổ chức có nhiều người đại diện hợp pháp, ngân hàng thực hiện gặp mặt trực tiếp và thực hiện kiểm tra xác minh thông tin của một trong những đại diện hợp pháp của tổ chức theo thỏa thuận với khách hàng.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> Theo các hướng dẫn trước đây của NHNN, chúng tôi hiểu là ngân hàng sẽ chỉ cần gặp mặt trực tiếp và thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của một trong những người đại diện hợp pháp của tổ chức. Số điện thoại chính chủ chỉ yêu cầu đối với công dân Việt Nam/người nước ngoài có tài khoản định danh điện tử cấp độ 2. Do đó, một số người đại diện hợp pháp là người nước ngoài chưa có tài khoản định danh điện tử thì không có số điện thoại chính chủ tại Việt Nam để đối chiếu. Việc xác thực thông tin của người đại diện hợp pháp đã có các quy định về đối chiếu thông tin sinh trắc học là đã đảm bảo xác thực được các thông tin về người đại diện hợp pháp. 	
		VIB	<p>NHNN xem xét làm rõ nội dung: “TCPHT gặp mặt trực tiếp khách hàng” cụ thể trong trường hợp:</p> <p><u>TCPHT</u> tại đây có thể được hiểu gồm:</p> <p>(i) nhân sự chính thức của TCPHT; hoặc</p> <p>(ii) nhân sự thuê ngoài trên cơ sở hợp tác với đối tác cung cấp dịch vụ & đáp ứng tiêu chuẩn, quy trình thực hiện của TCPHT.</p> <p><u>Khách hàng</u> tại đây được hiểu là cá nhân nào:</p> <p>(i) Cá nhân đăng ký cấp tín dụng: là chủ thẻ chính khi được cấp tín dụng hay</p>	<ul style="list-style-type: none"> TCPHT phải gặp mặt trực tiếp khách hàng để xác minh thông tin nhận biết khách hàng. TCPHT phải gặp mặt trực tiếp khách hàng: <p>(i) đối với khách hàng cá nhân, gặp mặt trực tiếp chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ.</p> <p>(ii) đối với khách hàng tổ chức, gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			(ii) Cá nhân sử dụng thẻ: là chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ khi được cấp tín dụng.	
		HSBC	<p>1. Đề xuất bổ sung khoản Điều 9, khoản 2, điểm a, tiết (i) và (ii) như sau:</p> <p>a) Đối với khách hàng là cá nhân:</p> <p>(i) Trường hợp khách hàng sử dụng thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc thẻ căn cước công dân (có bộ phận lưu trữ thông tin) hoặc danh tính điện tử, TCPHT phải gặp mặt trực tiếp khách hàng và thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ thẻ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này, áp dụng với những khách hàng mở thẻ lần đầu;</p> <p>(ii) Trường hợp khách hàng sử dụng các loại giấy tờ tùy thân khác, TCPHT phải gặp mặt trực tiếp khách hàng và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó, áp dụng với những khách hàng mở thẻ lần đầu;</p> <p>2. Đề xuất điều chỉnh Điều 9, khoản 2, điểm a, tiết (iii) như sau:</p> <p>“TCPHT phải kiểm tra thông tin về số điện thoại của khách hàng đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó áp dụng với những khách hàng mở thẻ lần đầu, trừ các trường hợp sau:</p> <p>- Khách hàng không thực hiện giao dịch qua online banking hoặc giao dịch thực hiện qua online banking của khách hàng không sử dụng các hình thức xác thực liên quan đến số điện thoại được đăng ký của chủ tài khoản và/hoặc người đại diện của chủ tài khoản.</p> <p>- Số điện thoại chủ tài khoản hoặc người đại diện</p>	<p>- TCPHT thực hiện gặp mặt trực tiếp khách hàng và đối chiếu thông tin sinh trắc học trên cơ sở dữ liệu khách hàng đã được thu thập và lưu trữ trong kho dữ liệu của TCPHT.</p> <p>- Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p><i>của chủ tài khoản là số cố định, hoặc;</i> <i>- Đăng ký theo tên tổ chức, hoặc;</i> <i>- Số điện thoại ở nước ngoài.</i></p> <p>3. Đề xuất bổ sung khoản điểm d tại khoản 2 Điều 9 như sau: “d. Yêu cầu về gặp mặt trực tiếp, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học và kiểm tra thông tin về số điện thoại chỉ áp dụng đối với dịch vụ mở thẻ lần đầu”.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <p>1. Trong nhiều tổ chức, NĐDTPL hoặc các vị trí quản lý cấp cao được cấp số điện thoại riêng do công ty đứng tên đăng ký với nhà mạng (thực tiễn này hoàn toàn phù hợp quy định của Luật Viễn thông), và do vậy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số điện thoại này không phải là "chính chủ" của cá nhân NĐDTPL, mà là "chính chủ" của pháp nhân (tổ chức). Mà như vậy, thông tin chủ số thuê bao không phải thông tin cá nhân để có thể khớp đúng với giấy tờ tùy thân - Việc yêu cầu cá nhân phải đứng tên chính chủ SĐT là không phù hợp với thực tiễn các doanh nghiệp và pháp luật về viễn thông. <p>Ngoài ra, nếu giữ nguyên như nội dung của điều khoản tại Dự thảo, các ngân hàng và khách hàng sẽ gặp phải các khó khăn vướng mắc sau đây:</p> <p>(i) Thực tế chưa có biện pháp thu thập, kiểm tra thông tin giấy tờ tùy thân của người sử dụng số thuê bao:</p> <p>Theo quan sát của chúng tôi các nhà mạng chỉ cung cấp thông tin chủ thuê bao cho chính chủ thuê bao đó, không cung cấp cho bên thứ ba. Ngoài ra, nội dung thông tin cung cấp của một số nhà mạng cũng có thể không chứa thông tin về giấy tờ tùy thân.</p>	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>(ii) Trong trường hợp chủ thẻ là người nước ngoài hoặc sử dụng số điện thoại nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có cơ sở dữ liệu để đối soát: Ngân hàng tại Việt Nam không có khả năng và cũng không có quyền truy cập vào hệ thống đăng ký thuê bao của các nhà mạng nước ngoài để xác minh một số điện thoại quốc tế (ví dụ: số của Mỹ, Hàn Quốc, Singapore) có đúng là do chủ thẻ đó đứng tên hay không. - Tính khả thi thấp: Việc yêu cầu chủ thẻ cung cấp giấy tờ từ nhà mạng nước ngoài để chứng minh là rất phức tạp và không thực tế. <p>Ngân hàng sẽ tập trung xác minh các giấy tờ tùy thân có giá trị hơn như Hộ chiếu (Passport), Thị thực (Visa), Thẻ tạm trú/Thường trú còn hiệu lực.</p> <p>2. Việc nhận biết khách hàng để phòng ngừa gian lận lừa đảo chỉ cần thực hiện ở cấp độ khách hàng, không cần phải thực hiện lại mỗi khi khách hàng có yêu cầu mới. Trong trường hợp khách hàng có thay đổi về thông tin về giấy tờ tùy thân khi mở thẻ, ngân hàng cũng đã có quy trình để yêu cầu khách hàng cập nhật thông tin kịp thời. Cách làm này cũng phù hợp với yêu cầu của Luật phòng chống rửa tiền. Ngoài ra, việc thực hiện các yêu cầu dịch vụ của khách hàng cũng đã có bộ khung về yêu cầu xác minh tương ứng phù hợp các yêu cầu về bảo mật theo thông tư 50/2024/TT-NHNN và Luật phòng chống rửa tiền.</p>	
		Mastercard	<p>Chúng tôi tin rằng, thông qua những lý do trình bày dưới đây, sẽ phù hợp hơn nếu thẻ doanh nghiệp không thuộc phạm vi áp dụng của các yêu cầu liên quan đến định danh khách hàng qua gặp mặt trực tiếp, xác thực và quản lý rủi ro gian lận.</p> <p>Lý do:</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Thông tư.</p> <p>Đối với thẻ của khách hàng tổ chức đã có những quy định phù hợp với đối tượng khách hàng như: chỉ yêu cầu gặp mặt trực tiếp đại diện hợp</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>- Thẻ doanh nghiệp chỉ được sử dụng cho các mục đích chi tiêu của doanh nghiệp Tại Việt Nam, các loại thẻ doanh nghiệp bao gồm cả hình thức thẻ ảo được sử dụng cho các giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) trong môi trường có sự kiểm soát. Do đó, loại thẻ này được phát hành riêng cho các đối tượng thanh toán không phải là người tiêu dùng cá nhân. Đối với thẻ doanh nghiệp, chỉ những cá nhân được chỉ định và ủy quyền thay mặt công ty – ví dụ như nhân viên, trợ lý hoặc người đi công tác – mới có thể tạo số thẻ ảo (VCN), bao gồm mười sáu chữ số, ngày hết hạn và mã bảo mật để có thể thực hiện các giao dịch ở cấp độ doanh nghiệp. Không cá nhân nào có thể sở hữu thẻ ảo thay mặt cho doanh nghiệp, và không có thông tin cá nhân nào của người dùng được liên kết với thẻ. Thẻ ảo chỉ được sử dụng cho các giao dịch đã được xác định trước khi tạo và do đó chỉ có thể tái sử dụng trong một số lần giới hạn, theo quy định của doanh nghiệp nơi người đi công tác làm việc. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể thiết lập các cơ chế kiểm soát cụ thể đối với từng thẻ ảo, chẳng hạn như giới hạn giá trị giao dịch, thời hạn hiệu lực, hay loại hình đơn vị chấp nhận thanh toán. Đây là ví dụ về một số tính năng thuộc công cụ quản lý rủi ro gian lận hiện đang được áp dụng. Việc thực hiện thanh toán bằng thẻ ảo được tiến hành trong một môi trường an toàn và có kiểm soát, thường bao gồm quy trình xác thực hai yếu tố.</p> <p>- Tỷ lệ gian lận rất thấp: Tỷ lệ gian lận trong việc sử dụng thẻ ảo ở mức thấp. Điều này được thể hiện qua số liệu thống kê về tỷ lệ hoàn trả giao dịch (chargeback) ở phạm vi toàn cầu</p> <p>- Các giao dịch của doanh nghiệp áp dụng quy</p>	<p>pháp, quy định về các trường hợp khách hàng tổ chức mà TCPHT không bắt buộc phải gặp mặt trực tiếp.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			trình hoặc giao thức thanh toán chuyên biệt Khi tạo thẻ ảo, bên thực hiện đăng ký thẻ ảo thông thường phải xác thực danh tính. Ngoài ra, chỉ một số cá nhân nhất định – chẳng hạn như nhân viên thuộc bộ phận điều phối công tác hoặc trợ lý riêng – mới có quyền thực hiện thao tác này. Trong một số trường hợp khác, thẻ ảo được tạo tự động thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API) để hỗ trợ thanh toán cho các đặt chỗ được thực hiện bởi người đi công tác thông qua công cụ đăng ký trực tuyến được bảo vệ bởi mật khẩu.	
		Shinhan bank	<p>2.1. Điểm a Khoản 2a Điều 9:</p> <p>a. Đề xuất quy định rõ “khách hàng là cá nhân” được hiểu bao gồm <u>chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ</u> hay chỉ bao gồm chủ thẻ chính?</p> <p>b. Trường hợp khách hàng là cá nhân được hiểu rằng bao gồm chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ: Đề xuất bổ sung hướng dẫn cụ thể tại Tiết (iii) Điểm a Khoản 2a về việc kiểm tra thông tin số điện thoại của chủ thẻ phụ là (i) người từ 6 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi và (ii) người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi chưa được cấp các giấy tờ tùy thân (bao gồm thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước công dân hoặc căn cước điện tử hoặc tài khoản định danh điện tử (VNeID) hoặc các giấy tờ khác có thể sử dụng để thực hiện giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật) theo hướng:</p> <p>Thực hiện thông qua kiểm tra thông tin về số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của chủ thẻ phụ đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó.</p> <p>Lý do: Căn cứ quy định tại Điều 136 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 17.3 Nghị định 163/2024/NĐ-CP.</p>	<p>a. Chủ thẻ bao gồm chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ.</p> <p>b. Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
		Shinhan bank	<p>2.2. Điểm b Khoản 2a Điều 9:</p> <p>a. Đề xuất quy định rõ “khách hàng là tổ chức” được hiểu bao gồm <u>người đại diện hợp pháp và chủ thẻ phụ</u> hay <u>chỉ bao gồm người đại diện hợp pháp</u>?</p> <p>b. Về việc kiểm tra thông tin số điện thoại của khách hàng tại Tiết (iii) Điểm a Khoản 2a:</p> <p>i. Đề xuất quy định rõ về việc có chấp nhận số thuê bao di động do tổ chức đứng tên nhưng được cá nhân người đại diện hợp pháp của tổ chức sử dụng để đăng ký với tổ chức phát hành thẻ hay không?</p> <p>ii. Đề xuất quy định rõ đối với trường hợp kiểm tra thông tin số điện thoại của khách hàng là cá nhân người nước ngoài và người đại diện hợp pháp của tổ chức là người nước ngoài.</p> <p>Lý do: Dựa trên tình hình thực tế các doanh nghiệp thường đăng ký thông tin thuê bao đứng tên doanh nghiệp để người lao động là người nước ngoài sử dụng.</p>	<p>a. Khách hàng là tổ chức chỉ yêu cầu gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp.</p> <p>b. Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>
		Shinhan bank	<p>2.3. Điểm c Khoản 2a Điều 9:</p> <p>Đề xuất điều chỉnh như sau:</p> <p><i>“c) TCPHT không bắt buộc phải gặp mặt trực tiếp và thực hiện kiểm tra xác minh thông tin của người đại diện hợp pháp của tổ chức theo quy định tại điểm b khoản này đối với các tổ chức sau:</i></p> <p><i>(i) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;</i></p> <p><i>(ii) Doanh nghiệp nhà nước;</i></p> <p><i>(iii) Các tổ chức niêm yết theo quy định tại Luật chứng khoán.</i></p> <p><i>(iv) Các tổ chức thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố vào năm liền trước.</i></p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>(v) Các tổ chức khác do TCPHT lựa chọn và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các rủi ro từ việc lựa chọn này. Danh mục các tổ chức do TCPHT lựa chọn phải được quy định tại quy định nội bộ về phát hành và sử dụng thẻ của TCPHT.</p> <p>TCPHT phải đảm bảo xác minh chính xác về khách hàng phát hành thẻ và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc nhận biết khách hàng tại đơn vị mình.”</p>	
		Sacombank	<p>1) Đề xuất cho phép ngân hàng chủ động trong phương pháp kiểm tra số điện thoại chính chủ để linh động trong công tác vận hành, không bắt buộc trùng khớp với số điện thoại trên giấy tờ tùy thân của khách hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất tạo điều kiện/cơ chế để các cơ quan chức năng như Trung tâm RAR, nhà mạng,.. triển khai dịch vụ xác thực số điện thoại bằng API để số hóa công tác xác thực số điện thoại chính chủ. - Đề xuất không áp dụng kiểm tra thông tin về số điện thoại của khách hàng trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân đối với chủ thẻ phụ. - Đề xuất không ghi nhận trách nhiệm của ngân hàng phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản/người đại diện của chủ tài khoản tại quy trình mở TKTT tại Dự thảo. <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng có thể đăng ký nhiều số điện thoại với nhà mạng và khai báo 01 số điện thoại khi làm CCCD. Số điện thoại đăng ký với ngân hàng là số điện thoại chưa cập nhật với cơ quan chức năng. - Khách hàng có thể đổi số điện thoại sau khi làm CCCD và chưa kịp cập nhật đến cơ quan chức năng. - Giấy tờ tùy thân có thể không có số điện thoại (trường hợp KH người nước ngoài) 	<p>1. Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p> <p>2. Đã được quy định tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>- Đối với thẻ phụ từ 6 tuổi đến chưa đủ 14 tuổi không có số điện thoại khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân.</p> <p>- Luật PCRT 2023 và các văn bản hướng dẫn hiện chỉ yêu cầu nhận biết KH, không yêu cầu phải gặp mặt trực tiếp nhằm nhận biết KH.</p> <p>- Điều 16.6 Thông tư 18 đã có quy định về việc chỉ được thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng GTTT và thông tin sinh trắc học (không phân biệt phát hành thẻ tại quầy hay bằng phương tiện điện tử).</p> <p>- Thực tế, việc đối chiếu khớp đúng GTTT và thông tin sinh trắc học có thể thực hiện bằng nhiều biện pháp và không cần gặp mặt trực tiếp chủ thẻ/đại diện hợp pháp của chủ thẻ.</p> <p>2) Điểm c khoản 2a Điều 9: Đề nghị làm rõ đối với trường hợp đại diện hợp pháp của tổ chức thuộc các đối tượng (i), (ii), (iii), (iv), (v) thì TCPHT có cần thực hiện kiểm tra tương tự như đối với KH cá nhân quy định tại Khoản 2a Điều 9 không?</p>	
		SHB	<p>1. Về nội dung TCPHT phải kiểm tra thông tin về số điện thoại của khách hàng</p> <p>Hiện chưa có quy định pháp luật nào hướng dẫn việc kiểm tra thông tin người sử dụng số thuê bao điện thoại nên có thể gây khó khăn cho các tổ chức phát hành thẻ (TCPHT) khi triển khai yêu cầu này hoặc dẫn đến việc thực hiện không thống nhất giữa các TCPHT. Đồng thời, nếu yêu cầu Khách hàng cung cấp thêm giấy tờ, tài liệu hoặc thực hiện thủ tục để chứng minh số điện thoại sử dụng là của Khách hàng thì có thể gây phức tạp về mặt hồ sơ, thủ tục cho Khách hàng.</p> <p><u>Đề xuất:</u> Cơ quan soạn thảo xem xét hướng dẫn TCPHT trong việc kiểm tra thông tin về số</p>	<p>1. Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p> <p>2. TCPHT thực hiện gặp mặt trực tiếp khách hàng và đối chiếu thông tin sinh trắc học trên cơ sở dữ liệu khách hàng đã được thu thập và lưu trữ trong kho dữ liệu của TCPHT.</p> <p>3. Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>điện thoại của Khách hàng để đảm bảo triển khai thống nhất trong tất cả TCPHT và tuân thủ quy định pháp luật, hạn chế gây phức tạp về mặt hồ sơ hay thủ tục cho Khách hàng.</p> <p>2. Về nội dung TCPHT phải gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của khách hàng tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực tế có nhiều trường hợp khách hàng là tổ chức trước khi mở thẻ đã từng thực hiện các dịch vụ/giao dịch với Ngân hàng, đồng thời Ngân hàng cũng đã gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của khách hàng là tổ chức theo các quy định pháp luật có liên quan, ví dụ như dịch vụ mở tài khoản thanh toán, do đó việc quy định TCPHT phải gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp trong trường hợp này là không cần thiết, tăng thêm thủ tục hành chính cho khách hàng. <p>Đề xuất: Cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung như sau: “b) Đối với khách hàng là tổ chức: TCPHT phải gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của tổ chức thực hiện kiểm tra xác minh thông tin đại diện hợp pháp của tổ chức theo quy định tại điểm a khoản này (trừ trường hợp TCPHT đã từng cung cấp dịch vụ Ngân hàng cho khách hàng này và đã thực hiện việc gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của khách hàng);”</p> <p>3. Về trường hợp TCPHT không phải gặp mặt trực tiếp đại diện hợp pháp của khách hàng là tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung trên, chưa rõ “Danh mục các tổ chức do TCPHT lựa chọn phải được quy định tại quy định nội bộ về phát hành và sử dụng thẻ của TCPHT” được hiểu là TCPHT phải ban hành cụ thể Danh sách gồm tên cụ thể các khách hàng là tổ chức hay chỉ cần quy định các tiêu chí mà khách hàng là tổ chức đáp ứng (quy mô, doanh thu, phân khúc,) 	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>Đề xuất: Cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi/bổ sung như sau: “(v) Các tổ chức khác do TCPHT lựa chọn và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các rủi ro từ việc lựa chọn này. Các tiêu chí của các tổ chức phải đáp ứng do TCPHT lựa chọn phải được quy định tại quy định nội bộ về phát hành và sử dụng thẻ của TCPHT.</p> <p>TCPHT phải đảm bảo xác minh chính xác về khách hàng phát hành thẻ và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc nhận biết khách hàng tại đơn vị mình.”</p>	
		HDBank	<p>Đề xuất làm rõ nguyên tắc xác minh thông tin số điện thoại, các TCTD có thể thực hiện thông qua các nguồn dữ liệu hợp pháp như: (i) thông tin từ Công Dịch vụ công quốc gia, hoặc (ii) dịch vụ xác thực điện tử từ nhà mạng viễn thông được cấp phép cung cấp dịch vụ xác thực thông tin thuê bao... hay còn có thể qua các nguồn nào khác không?</p> <p>Đồng thời, cần xác định rõ phạm vi áp dụng của quy định này: liệu áp dụng đối với các thẻ mới do khách hàng mới đề nghị phát hành (kể từ thời điểm Thông tư có hiệu lực), hay bao gồm cả toàn bộ khách hàng hiện hữu của TCPHT có nhu cầu mở mới/mở thêm thẻ mới.</p> <p>Lý do: Để các TCPHT có cơ sở áp dụng thống nhất.</p>	Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		VietCredit	<p>Góp ý của VietCredit</p> <p>VietCredit mong muốn NHNN xem xét, đưa ra công cụ, cách thức kỹ thuật tập trung để hỗ trợ các TCTD thực hiện công việc này. Ví dụ như có một hệ thống/nền tảng để tra cứu thông tin thuê bao di động của tất cả các nhà mạng tại Việt Nam hiện nay.</p>	Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		HomeCredit	<p>1. Tại tiết (ii) điểm a khoản 2a, theo quy định tại Điều này và quy định về phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử tại Điều 10 và Phạm vi sử</p>	<p>1. TCPHT có thể thực hiện đổi chiếu, đảm bảo sự khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ thẻ với dữ</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>dụng thẻ tại Điều 16.6 ở quy định hiện hành của Thông tư 18, TCPHT có nghĩa vụ phải đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ thẻ với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của Thẻ CCCD / Thẻ CC (quét NFC) hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập (VNeID cấp độ 02).</p> <p>Theo đó, Home Credit kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) làm rõ nội dung sau đây để các TCPHT đảm bảo tuân thủ thực hiện:</p> <p>- Sau khi TCPHT thực hiện quét NFC và nhận được kết quả “Đã xác thực”/“Trùng khớp”, liệu TCPHT có thể sử dụng kết quả này không chỉ cho quá trình phát hành thẻ hiện tại mà còn cho các hợp đồng khác giữa TCPHT và cùng một cá nhân, với giá trị sử dụng không giới hạn về thời gian? Hay kết quả quét NFC này cần phải có thời hạn hiệu lực nhất định và do chính TCPHT quy định nội bộ để phục vụ công tác kiểm tra, theo dõi và yêu cầu chủ thẻ thực hiện quét lại NFC khi hết thời hạn được quy định?</p> <p>2. Tại tiết (iii) điểm a khoản 2a, theo nội dung tại quy định này, Home Credit kính đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể về việc TCPHT cần phải thực hiện so sánh, khớp đúng thông tin của chủ sở hữu số điện thoại với toàn bộ thông tin trên GTTT mà TCPHT thu thập từ khách hàng hay chỉ cần so sánh, khớp đúng với một vài trường thông tin trọng yếu (ví dụ: Số CCCD / số Thẻ CC, Họ tên, Ngày tháng năm sinh).</p> <p>Bên cạnh đó, việc kiểm tra thông tin số điện thoại này có giới hạn thời hạn hiệu lực hay không và</p>	<p>liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 18;</p> <p>2. Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			TCPHT có được chủ động quy định một khoảng thời hạn hiệu lực hợp lý hay không? Căn cứ theo đó, chỉ trong các trường hợp cần thiết (được quy định trong chính sách/ quy trình nội bộ) hoặc hết thời hạn hiệu lực này, TCPHT sẽ tiến hành kiểm tra lại.	
		MB	<p>Về việc kiểm tra thông tin số điện thoại của KH khớp đúng với thông tin trên giấy tờ tùy thân. Các câu hỏi đặt ra:</p> <p>1. Hiện thông tin trong Chip của CCCD/CC và dữ liệu chia sẻ từ VNeID hiện không có thông tin số điện thoại của KH. Theo cuộc họp giao ban giữa NHNN và BCA về việc cung cấp dịch vụ xác minh thuê bao chính chủ cho các Bank sử dụng, tuy nhiên BCA nêu khó khăn về việc quy hoạch dữ liệu thuê bao với công ty viễn thông nên dịch vụ này chưa có, BCA đề nghị các Bank chủ động nghiên cứu giải pháp kỹ thuật để xác minh thông tin này.</p> <p>Vậy, đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể về việc kiểm tra thông tin này như thế nào hoặc những thông tin nào của thuê bao cần kiểm tra, đối chiếu với thông tin trên giấy tờ tùy thân? Khi chưa có công cụ thì chỉ nên khuyến khích các bank tìm giải pháp để triển khai thôi</p> <p>2. Điểm c: Đề nghị NHNN làm rõ: trường hợp người đại diện hợp pháp của tổ chức ở nước ngoài và có ủy quyền cho 1 cá nhân đại diện tại Việt Nam thực hiện đứng tên giao kết với NH, thì trường hợp này NH thực hiện gặp mặt người được ủy quyền hay bắt buộc vẫn phải là người đại diện hợp pháp của tổ chức đang ở nước ngoài?</p> <p>3. Đề nghị Cơ quan soạn thảo nêu rõ: nếu đã định danh theo quy định tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN rồi thì không yêu cầu phải định danh lại</p>	<p>Nội dung về việc kiểm tra thông tin về số điện thoại: Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p> <p>Các nội dung khác sẽ được nghiên cứu, chỉnh sửa, làm rõ tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>khi mở thẻ theo quy định tại Khoản 2a Điều 9 Dự thảo.</p> <p>4. Đối với Tiết (iii) Điểm a Khoản 2a Điều 9 Dự thảo: Đề xuất chỉ cần khớp đúng thông tin về số CCCD/CCCD/ số hộ chiếu với số giấy tờ tùy thân của khách hàng khi đăng ký mở thẻ.</p> <p>Lý do: thực tế khách hàng có thể thay đổi thông tin về ngày cấp, nơi cấp GTTT nhưng chưa cập nhật thông tin này trong thông tin về người sử dụng thuê bao nhưng không ảnh hưởng gì đến việc định danh khách hàng.</p> <p>=> Vì vậy, đề xuất Cơ quan soạn thảo chỉnh sửa và chỉ yêu cầu khớp đúng “số giấy tờ tùy thân” người sử dụng thuê bao với số GTTT của khách hàng.</p>	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
<p>Điều 10. Phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử</p> <p>3. Việc phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử tại Điều này không áp dụng với đối tượng tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 15 Thông tư này.</p>	<p>Điều 10. Phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử</p> <p>3. Việc phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử tại Điều này không áp dụng với đối tượng tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 15 Thông tư này.</p>	HDBank	<p>Đề xuất bổ sung khoản 5 vào Điều 10 như sau:</p> <p>“5. Việc phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử đối với khách hàng đã được TCPHT thực hiện theo điểm a, b khoản 1 Điều 10 Thông tư này được thực hiện như sau:</p> <p>(i) TCPHT được sử dụng lại thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập, kiểm tra, đối chiếu (kể cả thông tin đã được thu thập, kiểm tra, đối chiếu khi khách hàng đề nghị sử dụng và/hoặc sử dụng các dịch vụ khác của TCPHT);</p> <p>(ii) TCPHT thực hiện thu thập, kiểm tra, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng với dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp); và</p> <p>(iii) TCPHT đảm bảo giấy tờ tùy thân của khách hàng vẫn còn hiệu lực tại thời điểm khách hàng đề nghị phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử.”</p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay, số lượng khách hàng cá nhân đã được TCPHT xác thực, xác minh, kiểm tra, đối chiếu theo điểm a, b khoản 1 Điều 10 Thông tư 18/2024/TT-NHNN có nhu cầu phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử là rất lớn và để tăng cường trải nghiệm của khách hàng, tránh yêu cầu cung cấp nhiều lần nhưng vẫn đảm bảo được rủi ro vì theo quy định tại Thông tư thì TCPHT cũng có trách nhiệm chủ động thực hiện theo dõi thời hạn hiệu lực giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của khách hàng.</p>	<p>Nhằm đảm bảo an ninh an toàn trong hoạt động thẻ, TCPHT thực hiện thu thập thông tin tài liệu dữ liệu và đối chiếu thông tin sinh trắc học của khách hàng với kho dữ liệu đã được TCPHT thu thập.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
Điều 11. Thông tin trên thẻ 1. Thông tin in trên thẻ vật lý phải bao gồm các yếu tố sau: d) Họ, tên đối với chủ thẻ là cá nhân; tên tổ chức đối với chủ thẻ là tổ chức và họ, tên của cá nhân được tổ chức ủy quyền sử dụng thẻ. Quy định này không áp dụng đối với thẻ trả trước vô danh.	Điều 11. Thông tin trên thẻ 1. Thông tin in trên thẻ vật lý phải bao gồm các yếu tố sau: d) Họ, tên chủ thẻ đối với chủ thẻ là cá nhân; tên tổ chức và họ, tên chủ thẻ phụ đối với chủ thẻ chính là tổ chức. Quy định này không áp dụng đối với thẻ trả trước vô danh.	VCB	Đề nghị làm rõ: - Thông tin in trên thẻ vật lý của thẻ tổ chức: bao gồm những gì đối với thẻ chính. - Hiện tại: + Thẻ chính: chưa có quy định + Thẻ phụ: tên tổ chức và họ, tên chủ thẻ phụ đối với chủ thẻ chính là tổ chức	Theo quy định tại khoản 15 Điều 3 và khoản 1 Điều 15: Chủ thẻ chính là tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng thẻ của tổ chức đó theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về ủy quyền. Theo đó thẻ phát hành cho tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng.
		VIB	Tiếp theo câu hỏi tại Điều 3, trường hợp chủ thẻ chính là tổ chức được ủy quyền cho cá nhân sử dụng thẻ chính thì tên cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ chính có bắt buộc in trên thẻ không?	
Điều 12. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ 1. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau: c) Tên TCPHT, tên chủ thẻ; họ, tên cá nhân được tổ chức ủy quyền sử dụng thẻ;	Điều 12. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ 1. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau: c) Tên TCPHT; họ, tên chủ thẻ đối với khách hàng cá nhân; tên tổ chức, họ, tên đại diện hợp pháp và họ tên chủ thẻ phụ đối với khách hàng tổ chức.	ACB	ACB đề xuất cần thống nhất cách gọi cho đối tượng để tạo sự thống nhất vì trong thông tư hiện đang ghi nhiều cách gọi khác nhau như: khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, khách hàng là cá nhân, khách hàng là tổ chức, chủ thẻ là cá nhân, chủ thẻ là tổ chức.	Tiếp thu. Theo quy định tại khoản 15 Điều 3 và khoản 1 Điều 15: Chủ thẻ chính là tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng thẻ của tổ chức đó theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về ủy quyền. Theo đó thẻ phát hành cho tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng.
		VCB	Đề nghị làm rõ: - Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ có bao gồm thông tin họ tên chủ thẻ chính của thẻ tổ chức đối với trường hợp đại diện hợp pháp của tổ chức không phải là thẻ chính hay không? - Bổ sung chữ nếu có: họ tên chủ thẻ phụ (nếu có)	
Điều 13. Hạn mức thẻ 3. Đối với thẻ tín dụng, tổng hạn mức rút tiền mặt tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng.	Điều 13. Hạn mức thẻ 3. Đối với hạn mức rút tiền mặt của thẻ tín dụng, TCPHT phải quy định như sau: a) Trường hợp chủ thẻ là cá nhân, tổng hạn mức rút tiền mặt đối với chủ thẻ tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam	ACB	Cần làm rõ định nghĩa BIN do TCPHT đăng ký với NHNN hay BIN đại diện cho một tổ chức thẻ. ACB đề xuất: BIN do TCPHT đăng ký với NHNN vì tất cả định nghĩa về BIN từ trước đến nay đều theo BIN đã đăng ký với NHNN, BIN này đang tương ứng với từng loại sản phẩm cung cấp đến khách hàng.	Các loại BIN theo quy định tại khoản 26 Điều 3: (i) BIN xác định TCPHT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (ii) BIN do TCTQT cấp; (iii) BIN của quốc gia khác <i>“26. Mã tổ chức phát hành thẻ (Bank Identification Number - viết tắt là BIN) là một dãy chữ số, bao</i>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
	trong 01 tháng . b) Trường hợp chủ thẻ là tổ chức, tổng hạn mức rút tiền mặt đối với chủ thẻ phụ tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng.			<i>gồm các loại BIN sau: BIN xác định TCPHT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) tại Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng; BIN do TCTQT cấp; và BIN của quốc gia khác. Trường hợp thẻ có BIN do TCTQT cấp hoặc thẻ có BIN của quốc gia khác, việc cấp, sử dụng và quản lý BIN được thực hiện theo quy định của TCTQT hoặc quốc gia cấp BIN đó.”</i>
		VCB	<p>1. Đề nghị làm rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chủ thẻ là tổ chức, có quy định hạn chế tổng hạn mức RTM đối với chủ thẻ chính hay không (đối với thẻ tổ chức)? - Đề xuất: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp KH là chủ thẻ chính của thẻ tổ chức, tổng hạn mức rút tiền mặt đối với chủ thẻ chính tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng + Trường hợp KH vừa là chủ thẻ cá nhân, vừa là cá nhân ủy quyền làm thẻ chính của thẻ tổ chức thì tổng hạn mức RTM đối với chủ thẻ tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng tính theo hai luồng riêng rẽ là luồng thẻ cá nhân (100tr) và luồng thẻ tổ chức (100tr). + Hạn mức RTM đối với chủ thẻ phụ của thẻ tổ chức sẽ đi theo hạn mức rút tiền mặt của thẻ chính. <p>2. Đề xuất NHNN làm rõ với thẻ cá nhân: Hạn mức 100 triệu đồng/tháng có áp dụng cho thẻ phụ không, hay là tính chung cho toàn bộ chủ thẻ chính (bao gồm cả các chủ thẻ phụ)</p>	Nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
		VIB	NHNN làm rõ nội dung để xác định được: - Hạn mức này tính riêng cho từng chủ thẻ là chủ thẻ chính hoặc chủ thẻ phụ? Vd: Chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ sử dụng thẻ có cùng BIN thì hạn mức giao dịch sẽ là 100tr hay 200tr? - Chủ thẻ là tổ chức thì chủ thẻ chính không bị giới hạn hạn mức tính theo BIN đúng không?	
		Home Credit	Với nội dung tại quy định này, Home Credit kính đề nghị NHNN làm rõ cách hiểu nào dưới đây là chính xác để TCPHT đảm bảo việc tuân thủ trong quá trình áp dụng: (i) Hạn mức rút tiền mặt của thẻ tín dụng áp dụng riêng cho từng thẻ. Nghĩa là cùng đầu số BIN, với mỗi chủ thẻ, bao gồm cả thẻ chính và thẻ phụ, hạn mức rút tiền mặt sẽ được tính 100 triệu / tháng / BIN / Chủ thẻ; hay (ii) Là hạn mức tổng áp dụng chung được tính 100 triệu / tháng / BIN / Chủ thẻ chính. Theo đó, chủ thẻ phụ (dù một hay nhiều chủ thẻ phụ) khi được phát hành thẻ đều sẽ bị giới hạn trong hạn mức này tính trên Chủ thẻ chính.	
		Visa	Khoản 3 Điều 13 Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định: “Đối với thẻ tín dụng, tổng hạn mức rút tiền mặt tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng”. Theo quy định tại Khoản 26 Điều 3, “Mã tổ chức phát hành thẻ (Bank Identification Number - viết tắt là BIN) là một dãy chữ số, bao gồm các loại BIN sau: BIN xác định TCPHT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) tại Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng; BIN do TCTQT cấp; và BIN của quốc gia khác”. Trên thực tế, một số TCPHT thẻ hiệu quy định tại	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>Khoản 3 Điều 13 theo hướng tổng hạn mức rút tiền mặt tối đa 100 triệu đồng của một khách hàng tại một TCPHT được áp dụng đối với toàn bộ số thẻ do tất cả các TCTQT cấp của khách hàng đó. Dẫn đến trường hợp, một khách hàng có nhiều thẻ, của nhiều TCTQT, thì tổng hạn mức rút tiền mặt tối đa trong 01 tháng của tất cả các thẻ này chỉ là 100 triệu đồng.</p> <p>Chúng tôi cho rằng cách hiểu này mang tính cứng nhắc và gây khó khăn cho người tiêu dùng trong việc sử dụng dịch vụ ngân hàng. Do vậy, chúng tôi kính mong NHNN nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 13 Thông tư 18/2024/TT-NHNN theo hướng làm rõ rằng tổng hạn mức rút tiền của từng thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng.</p>	
		SHB	<p>- Đối với nội dung quy định tại Điểm a nêu trên: chưa rõ “tổng hạn mức rút tiền mặt” của chủ thẻ cá nhân được hiểu là bao gồm cả thẻ chính và thẻ phụ hay là “tổng hạn mức rút tiền mặt” của thẻ chính hoặc thẻ phụ.</p> <p>Đối với nội dung quy định tại Điểm b nêu trên: Tổng hạn mức rút tiền mặt tối đa là 100 triệu đồng trong 1 tháng là chưa phù hợp với thực tiễn sử dụng thẻ của chủ thẻ là tổ chức. Theo đó, hạn mức này là khá thấp so với nhu cầu của khách hàng tổ chức, đặc biệt là các tổ chức có quy mô hoạt động vừa và lớn hoặc phát hành thẻ có tài sản bảo đảm, sử dụng nhiều thẻ phụ cho các mục đích công tác, sản xuất, vận hành hoặc là bổ sung vốn lưu động, nhất là ở các địa bàn không chấp nhận thanh toán điện tử. Đồng thời, nội dung quy định tại Điểm b cũng chưa rõ “tổng hạn mức rút tiền mặt” là áp dụng với từng thẻ phụ hay là tổng tất các thẻ phụ nếu khách hàng tổ chức mở nhiều thẻ phụ.</p>	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			- Đề xuất: Cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ các loại thẻ được áp dụng đối với mỗi trường hợp. Đồng thời, xem xét nâng “tổng hạn mức rút tiền mặt” đối với chủ thẻ là tổ chức lên tối đa 500 (năm trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng đối với mỗi thẻ phụ để phù hợp với thực tiễn sử dụng thẻ của tổ chức.	
		HSBC	<p>Đề xuất NHNN điều chỉnh điểm a, khoản 3, Điều 13 như sau:</p> <p>“3. Đối với hạn mức rút tiền mặt của thẻ tín dụng, TCPHT phải quy định như sau:</p> <p>a) Trường hợp chủ thẻ là cá nhân, tổng hạn mức rút tiền mặt đối với chủ thẻ tính theo BIN của hạn mức của từng loại thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng”</p> <p>Lý do: Thực tiễn áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo thông lệ của hệ thống thẻ tín dụng quốc tế, hạn mức thẻ tín dụng là hạn mức tín dụng luân chuyển (revolving credit line) nên khi khách hàng thanh toán cho dư nợ trên thẻ thì hạn mức khả dụng lại được tăng lên. Việc hạn chế hạn mức rút tiền mặt trên thẻ tín dụng là không quá 100 triệu đồng/ tháng là khó khăn cho hệ thống thẻ vì khách hàng có khả năng thanh toán dư nợ nhiều lần trong vòng 1 tháng. - Ngoài ra, việc hạn chế tổng hạn mức rút tiền mặt tính theo BIN cũng tạo ra khó khăn trong trường hợp khách hàng có nhiều loại thẻ với cùng đầu BIN, do theo thông lệ của hệ thống thẻ tín dụng quốc tế hạn mức tín dụng chỉ có thẻ trên từng số thẻ. <p>Do đó, đối với hạn mức thẻ tín dụng, hạn chế tổng hạn mức rút tiền mặt theo hạn mức của từng thẻ chứ không yêu cầu phải hạn chế theo đầu BIN.</p>	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
		MB	Khoản 3 Điều 13 Dự thảo Thông tư chưa quy định về hạn mức rút tiền mặt của thẻ tín dụng đối với trường hợp <u>chủ thẻ chính là tổ chức</u> . → Đề xuất Cơ quan soạn thảo chỉnh sửa phù hợp để áp dụng thống nhất.	Theo quy định tại Khoản 15 Điều 3 và khoản 1 Điều 15, Chủ thẻ chính là tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng thẻ của tổ chức đó.
Điều 15. Đối tượng được sử dụng thẻ 2. Đối với chủ thẻ chính là tổ chức: tổ chức đủ điều kiện mở tài khoản thanh toán được sử dụng thẻ ghi nợ. Tổ chức là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam được sử dụng thẻ tín dụng, thẻ trả trước định danh. Chủ thẻ là tổ chức được ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân sử dụng thẻ của tổ chức đó hoặc cho phép cá nhân sử dụng thẻ phụ theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về ủy quyền.	Điều 15. Đối tượng được sử dụng thẻ 2. Đối với chủ thẻ chính là tổ chức: tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam đủ điều kiện mở tài khoản thanh toán được sử dụng thẻ ghi nợ. Tổ chức là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam được sử dụng thẻ tín dụng, thẻ trả trước định danh. Chủ thẻ chính là tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng thẻ của tổ chức đó theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về ủy quyền.	VCB	1. Đề nghị bổ sung cụm từ in đậm sau: “Chủ thẻ chính là tổ chức phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân sử dụng thẻ của tổ chức đó hoặc <i>cho phép cá nhân sử dụng thẻ phụ</i> theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về ủy quyền.” Lý do: Để đảm bảo đủ phạm vi áp dụng cho cả thẻ chính và thẻ phụ, tương ứng quy định tại Điều 3 khoản 15 và Điều 9 khoản 2.b bổ sung “chủ thẻ phụ” của thẻ là khách hàng tổ chức. 2. Đề xuất làm rõ với đối tượng loại hình hộ kinh doanh (Có đăng ký/ giấy phép kinh doanh) có thuộc đối tượng tổ chức thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và đủ điều kiện phát hành thẻ ghi nợ.	1. Theo quy định tại Khoản 15 Điều 3 và khoản 1 Điều 15, Chủ thẻ chính là tổ chức phải ủy quyền cho chủ thẻ phụ sử dụng thẻ của tổ chức đó. 2. Nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		Sacombank	Đề xuất làm rõ/điều chỉnh đảm bảo thống nhất cách hiểu giữa Thông tư này và Thông tư 17/2024/TT-NHNN: - Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 17 không còn dùng cách gọi chung “tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam”, chỉ có “pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam”. - Khi đề cập đến pháp nhân, Thông tư 17 ghi nhận rõ gồm pháp nhân Việt Nam và pháp nhân nước ngoài. Đối với Thông tư 18, “pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam” được hiểu bao gồm pháp nhân nước ngoài hay không? Đồng nhất cách hiểu giữa dự thảo Thông tư 17	Nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			và dự thảo Thông tư 18.	
		BIDV	<p>Đề xuất giữ nguyên quy định Tổ chức đủ điều kiện mở tài khoản thanh toán được sử dụng thẻ ghi nợ. Do hiện tại theo dự thảo sửa đổi TT17 Khoản 2 Điều 1:</p> <p>“2. Tổ chức mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:</p> <p>a) Tổ chức là pháp nhân được thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Tổ chức là pháp nhân nước ngoài;</p> <p>c) Doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và các tổ chức khác được mở tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật.”</p> <p>Theo đó, dự thảo sửa đổi TT18 chỉ cho phép Tổ chức là pháp nhân được thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam được phép sử dụng thẻ ghi nợ, đang giới hạn phạm vi hẹp hơn so với quy định TT18 hiện tại.”</p>	Nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
4. Trường hợp đối tượng được sử dụng thẻ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này là người nước ngoài thì phải có thời hạn cư trú tại Việt Nam từ 12 tháng (360 ngày) trở lên kể từ thời điểm đề nghị phát hành thẻ; thời hạn hiệu lực thẻ không vượt quá thời hạn cư trú còn lại tại Việt Nam.	4. Trường hợp đối tượng được sử dụng thẻ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này là người nước ngoài thì thời hạn hiệu lực thẻ không vượt quá thời hạn cư trú còn lại tại Việt Nam.	Sacombank	<p>- Về đối tượng được sử dụng thẻ là người nước ngoài, đề xuất: chỉ áp dụng quy định này với thẻ tín dụng; không áp dụng với thẻ ghi nợ và thẻ trả trước.</p> <p>- Điều chỉnh câu chữ thành “thời hạn hiệu lực thẻ không vượt quá thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam” để thống nhất với các Thông tư khác. Vd: Điều 28.2 Thông tư 36/2019/TT-NHNN, Điều 5.5 Thông tư 49/2018/TT-NHNN.</p> <p>Lý do:</p> <p>- Thông tư 17/2024/TT-NHNN hiện không áp dụng quy định này với TKTT mà chủ tài khoản/người đại diện chủ tài khoản là người nước ngoài.</p> <p>- Đồng nhất câu chữ với các Thông tư khác như Thông tư 36, Thông tư 49</p>	<p>- Cần áp dụng thống nhất giữa các loại thẻ.</p> <p>- Thẻ chỉ được phát hành cho chủ thẻ là người nước ngoài trong thời gian cư trú tại Việt Nam.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
		MB	Điểm này bất cập cho các bank trong việc triển khai. Thời hạn thẻ in trên thẻ đang là thời hạn chung 3 năm, 5 năm kể từ ngày phát hành thẻ. Bank đang xử lý tình huống này là đến ngày hết hạn của thời hạn cư trú thì sẽ khóa thẻ của KH, thẻ sẽ không được phép chi tiêu tiếp. Mục đích cuối cùng là nếu hết thời hạn cư trú thì chủ thẻ không được tiếp tục chi tiêu, do đó, thời hạn thẻ chỗ này không nhất thiết phải là thời hạn in trên thẻ vật lý, nó là thời hạn được set up trên hệ thống của bank.	Tiếp thu và nghiên cứu sửa đổi phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		VCB	<p>Đề xuất xem xét bỏ quy định thời hạn hiệu lực thẻ của người nước ngoài không được vượt quá thời hạn cư trú tại Việt Nam.</p> <p>Theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 17 quy định "tạm dừng giao dịch thẻ với các trường hợp giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của khách hàng hết hiệu lực" Do đó, việc quy định thời hạn hiệu lực thẻ của KH không vượt quá thời hạn cư trú ở Việt Nam là không cần thiết, tốn kém chi phí và nguồn lực khi phát hành lại thẻ. Thực tế NH có thể phát hành cho KH thời hạn hiệu lực 5/6 năm, tuy nhiên khi hết hạn giấy tờ tùy thân/giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú --> thẻ KH bị tạm dừng giao dịch trên hệ thống theo quy định tại điều 17. Sau khi khách hàng cập nhật tờ tùy thân/giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú mới --> mở khóa và khách hàng có thể tiếp tục chi tiêu trên thẻ hiện tại.</p> <p>Khi quy định thời hạn hiệu lực thẻ không vượt quá thời hạn cư trú ở Việt Nam, KH đến cập nhật thời hạn cư trú mới thì NPHH vẫn phải phát hành lại thẻ mới. Gây tổn nguồn lực cho NH.</p>	
		Visa	Dự thảo Thông tư đã sửa đổi Khoản 4 Điều 15 Thông tư 18/2024/TT-NHNN theo hướng bãi bỏ quy định yêu cầu người nước ngoài phải có thời hạn	Thẻ được phát hành cho khách hàng là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam nhằm đảm bảo an ninh,

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>cur trú tại Việt Nam từ 12 tháng (360 ngày) trở lên kể từ thời điểm đề nghị phát hành thẻ. Visa đồng tình với nội dung sửa đổi này, nhằm tạo điều kiện cho người nước ngoài có thêm lựa chọn đối với phương tiện thanh toán tại Việt Nam cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy định mới, thời hạn hiệu lực thẻ không vượt quá thời hạn cư trú còn lại tại Việt Nam. Chúng tôi kính mong NHNN xem xét và cân nhắc thêm đối với quy định này. Theo quy định tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN, người nước ngoài, bao gồm cả người cư trú và người không cư trú, đều được phép mở tài khoản thanh toán tại Việt Nam. Trên thực tế, việc sử dụng thẻ ngân hàng về cơ bản mang ý nghĩa cung cấp phương tiện thanh toán cho chủ thẻ trên cơ sở tài khoản thanh toán đã được mở. Đặc biệt, đối với trường hợp thẻ ghi nợ, chủ thẻ hoàn toàn có quyền và chỉ có thể thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi số dư của tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại tổ chức phát hành thẻ. Do vậy, sẽ không hợp lý nếu người nước ngoài vẫn có tài khoản thanh toán tại Việt Nam, có số dư tài khoản, nhưng lại không được sử dụng thẻ ghi nợ như là một phương tiện thanh toán hợp pháp.</p> <p>Chính vì vậy, để khuyến khích người nước ngoài sinh sống và làm việc hợp pháp tại Việt Nam sử dụng nhiều hơn các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của ngân hàng trong nước, chúng tôi kính mong NHNN xem xét và cân nhắc bỏ quy định về giới hạn thời hạn hiệu lực thẻ theo thời hạn cư trú còn lại tại Việt Nam đối với việc người nước ngoài mở thẻ ngân hàng tại ngân hàng trong nước, đặc biệt là đối với trường hợp thẻ ghi nợ.</p>	an toàn trong hoạt động thẻ.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
Điều 16. Phạm vi sử dụng thẻ 2. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp; rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước.	2. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp; rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước, ví điện tử.	MB	Đề xuất sửa như sau: “Điều 16: Phạm vi sử dụng thẻ 2. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp; rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước, <u>trừ trường hợp số dư khả dụng trên thẻ tín dụng lớn hơn hạn mức tín dụng được cấp của thẻ</u> Lý do: Trong thực tế nhiều KH khi thanh toán sao kê thẻ tín dụng sẽ nộp số tiền nhiều hơn số dư nợ sao kê thẻ, trường hợp này KH cần phải làm đề nghị hoàn tiền tại quầy giao dịch để nhận lại số tiền nộp dư trên thẻ, gây phiền hà và lãng phí nguồn lực, chưa phù hợp với định hướng chuyển đổi số ngành ngân hàng. Đề xuất Cơ quan soạn thảo có hướng dẫn cụ thể để cho phép KH được chuyển số tiền dư trên thẻ bằng phương tiện điện tử để thuận tiện cho chủ thẻ.	Không tiếp thu, nhằm tránh việc lợi dụng sử dụng thẻ tín dụng để chuyển tiền cho các mục đích khác.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
		HSBC	<p>1. Đề xuất NHNN điều chỉnh khoản 2 Điều 16 như sau 003A</p> <p>“2. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp; rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi có) từ hạn mức thẻ tín dụng do ngân hàng cấp vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước, ví điện tử”.</p> <p>Thực tế, vì một số lý do khách quan, khách hàng chuyển nhầm tiền vào thẻ tín dụng, thanh toán nhiều lần số tiền cần thanh toán trong kỳ sao kê, ... Việc chuyển nhầm này sẽ làm dư có trên hạn mức thẻ mà Ngân hàng cấp. Đề xuất điều chỉnh dự thảo theo hướng cho phép Ngân hàng được chuyển dư có trên hạn mức thẻ tín dụng trong những trường hợp trên để hỗ trợ nhu cầu hợp lý lấy lại phần tiền chuyển nhầm, cũng như không chỉ có 1 kênh duy nhất là yêu cầu khách hàng lên chi nhánh để nhận tiền mặt gây bất tiện cho Khách hàng do vị trí địa lý không thuận tiện.</p>	
<p>6. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ với:</p> <p>a) Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính</p>	<p>6. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ đối với thẻ của khách hàng cá nhân, đại diện hợp pháp đối với thẻ của khách hàng tổ chức với:</p> <p>a) Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông</p>	ACB	<p>ACB đề xuất: Thẻ của tổ chức được cấp cho cá nhân được ủy quyền sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch nên việc xác thực sinh trắc học khi giao dịch trực tuyến chỉ áp dụng cho người thực hiện giao dịch là chủ thẻ phụ.</p>	<p>Quy định này được làm rõ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng tổ chức tránh trường hợp phải thực hiện xác thực sinh trắc học với tất cả chủ thẻ phụ của tổ chức.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập; hoặc b) Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập); hoặc c) Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; hoặc d) Dữ liệu sinh trắc học của người đó được lưu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân không có bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa.	tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập; hoặc b) Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập); hoặc c) Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; hoặc d) Dữ liệu sinh trắc học của người đó được lưu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp sử dụng thẻ	BIDV HSBC VIB	NHNN làm rõ đối với thẻ phụ thẻ KH tổ chức có cần thực hiện đối chiếu thông tin của chủ thẻ phụ không hay chỉ cần đối chiếu thông tin đại diện hợp pháp của KH tổ chức 2. Đề xuất điều chỉnh điểm c khoản 6 Điều 16 Thông tư này như sau: “c. Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó bằng các giải pháp phù hợp đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; hoặc” Lý do: Việc quy định gặp mặt trực tiếp cho việc thu thập sinh trắc học sẽ gây khó khăn cho khách hàng và gặp nhiều hạn chế khi triển khai, trong khi ngân hàng có thể đảm bảo được Thu thập sinh trắc học qua giải pháp trực tuyến. NHNN xem xét làm rõ đối tượng cần hoàn thành việc đối chiếu giấy tờ tùy thân, thông tin sinh trắc học để có thể thực hiện giao dịch thẻ: 1. Đối với KHCN: “ <u>chủ thẻ</u> đối với thẻ của khách hàng cá nhân” được hiểu là đối tượng cụ thể nào: (i) <i>Chủ thẻ chính</i> ; (ii) <i>Chủ thẻ chính và từng chủ thẻ phụ</i> . Trường hợp là (ii), thì việc mở chức năng giao dịch bằng phương tiện điện tử sẽ được áp dụng tương ứng theo từng chủ thẻ chính/phụ đã hoàn thành yêu cầu đối chiếu giấy tờ tùy thân, thông tin sinh trắc học. 2. Đối với KH tổ chức: áp dụng với “đại diện hợp pháp đối với thẻ của khách hàng tổ chức” được hiểu là không bắt buộc với với người được ủy quyền sử dụng thẻ chính/thẻ phụ đúng không? 3. Theo quy định tại Điều 9 về Thủ tục phát hành thẻ cũng đã quy định v/v kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh	Đã quy định tại dự thảo Thông tư. Trường hợp không thể đối chiếu thông tin sinh trắc học của chủ thẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, TCPHT cần thực hiện gặp mặt trực tiếp khách hàng để đảm bảo thông tin khách hàng phù hợp với giấy tờ tùy thân. 1. Đối với khách hàng cá nhân, cần hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ (bao gồm chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ). 2. Đối với khách hàng tổ chức, cần hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của đại diện hợp pháp.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
	căn cước công dân không có bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa.		trắc học của khách hàng, vì vậy quy định tại điểm a,b khoản 7 Điều này sẽ áp dụng trong trường hợp nào?	
		Sacombank	<ul style="list-style-type: none"> Theo Điều 9.2.d Thông tư 18, đại diện hợp pháp của KHTC gồm người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của tổ chức khác, không bao gồm chủ thẻ phụ (kể cả các chủ thẻ phụ sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử). Theo giải đáp tại Phụ lục 3 Công văn 8396/NHNN-TT, đối với thẻ tổ chức cần đối chiếu sinh trắc học của cá nhân được tổ chức ủy quyền sử dụng thẻ, chủ thẻ phụ để có thể sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử. Đề xuất làm rõ để áp dụng thống nhất. 	
		Shinhanbank	<p>Đề xuất điều chỉnh như sau: “6. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ chính đối với thẻ của khách hàng cá nhân, người đại diện hợp pháp đối với thẻ của khách hàng tổ chức với:....”</p> <p>Để có cơ sở rõ ràng và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật khi áp dụng.</p>	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		MB	<p>1. Phạm vi KH cần đối chiếu thông tin :chủ thẻ đối với chủ thẻ của khách hàng cá nhân (đề nghị loại bỏ thẻ phụ ra khỏi phạm vi đối chiếu thông tin sinh trắc học vì thẻ chính đã chịu hoàn toàn trách nhiệm chi tiêu của chủ thẻ phụ);</p> <p>2. Đối với KH tổ chức: đại diện hợp pháp đối với thẻ của KH tổ chức. Như vậy được hiểu chỉ cần đối chiếu dữ liệu của đại diện hợp pháp của DN, còn các thẻ phụ là không phải đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học theo quy định</p>	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			bên đúng không? Kính đề nghị Cơ quan soạn thảo làm rõ khi ban hành văn bản	
Chưa có quy định	7. Quy định tại khoản 6 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau: a) Thực hiện giao dịch bằng thẻ vật lý tại ATM; b) Thanh toán tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán; c) Trích nợ tự động theo thỏa thuận giữa TCPHT và chủ thẻ; d) Chủ thẻ là tổ chức quy định tại điểm c khoản 2a Điều 9 Thông tư này.	MB	1. Đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung làm rõ phạm vi giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử phù hợp với định nghĩa giao dịch thẻ tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN. 2. Đề xuất Cơ quan soạn thảo bổ sung loại trừ đối với cả trường hợp: chi trả số dư cho khách hàng tại các địa điểm giao dịch, điểm đại lý thanh toán của TCTD. Lý do: - Khoản 6 Điều 16 Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định: Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu ...” - Khoản 8 Điều 3 Thông tư 18 quy định: Giao dịch thẻ là việc sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán, rút tiền mặt và các dịch vụ khác do tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ cung ứng theo quy định của pháp luật.” - Tại Khoản 7 Điều 16 Dự thảo đang loại trừ các giao dịch thẻ không được coi là giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử nhưng không loại trừ giao dịch rút tiền mặt tại POS (chỉ loại trừ giao dịch thanh toán). => Phạm vi loại trừ chưa đầy đủ theo giải thích giao dịch thẻ tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
		Sacombank	1. Đề xuất điều chỉnh điểm a: Thực hiện giao dịch bằng thẻ vật lý tại máy giao dịch tự động để phù hợp với máy CDM, STM, thay vì chỉ hạn chế ở ATM. Mở rộng thiết bị phù hợp với quy định tại khoản 25 Điều 3 2. Đề xuất cho phép ngân hàng chủ động trong việc áp dụng khoản 6 Điều 16 đối với Chủ thẻ là tổ chức	1. Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư. 2. Triển khai áp dụng khoản 6 Điều 16 đối với thẻ tổ chức nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thẻ.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>quy định tại điểm c khoản 2a Điều 9 Thông tư này.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng tổ chức có Người đại diện hợp pháp có thể không phải là Người đại diện pháp luật, điều này dẫn đến thông tin người đại diện hợp pháp không được công bố. - Các thông tin công bố có thể không được cập nhật kịp thời. - Các tổ chức niêm yết theo quy định tại Luật chứng khoán, Các tổ chức thuộc danh sách Fortune Global 500 có thể thay đổi (hủy không còn niêm yết, không còn thuộc danh sách bình chọn) dẫn đến khó khăn cho ngân hàng trong việc theo dõi và cập nhật sinh trắc học người đại diện hợp pháp kịp thời. 	
<p>Điều 17. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong sử dụng thẻ</p> <p>1. TCPHT:</p> <p>i) Xác định các loại rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động phát hành và sử dụng thẻ và biện pháp xử lý rủi ro tương ứng. Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm:</p> <p>(i) Quy định về phạm vi, hạn mức giao dịch theo các mức độ rủi ro phân theo đối tượng khách hàng trong đó có quy định cụ thể biện pháp quản lý rủi ro với đối tượng khách hàng chưa đủ 18 tuổi;</p> <p>(ii) Các trường hợp phải thực hiện cập nhật, xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm các trường hợp theo quy định tại điểm n khoản này;</p>	<p>Điều 17. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong sử dụng thẻ</p> <p>1. TCPHT:</p> <p>i) Xác định các loại rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động phát hành và sử dụng thẻ và biện pháp xử lý rủi ro tương ứng. Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm:</p> <p>(i) Quy định về phạm vi, hạn mức giao dịch theo các mức độ rủi ro phân theo đối tượng khách hàng trong đó có quy định cụ thể biện pháp quản lý rủi ro với đối tượng khách hàng chưa đủ 18 tuổi;</p> <p>(ii) Các trường hợp phải thực hiện cập nhật, xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm các trường hợp theo quy định tại điểm n khoản này;</p>	<p>MB</p>	<p>1. Lý do ở trong bản so sánh đang ghi là: "Bổ sung việc áp dụng từ chối hoặc tạm dừng thực hiện rút tiền, các giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử đối với trường hợp không thể liên hệ được với khách hàng trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các ngân hàng"</p> <p>=> Có bổ sung việc từ chối hoặc tạm dừng rút tiền không?</p> <p>2. Đề xuất bỏ cụm từ “trong quy định nội bộ về quản lý rủi ro” tại Tiết (iii) Điểm i Khoản 1 Điều 17 Dự thảo Thông tư.</p> <p><u>Lý do:</u> Việc quy định nội dung “TCPHT quy định cụ thể về thời gian liên hệ với khách hàng” ở văn bản nào nên để TCTD quyết định phù hợp với thiết kế văn bản của mỗi ngân hàng để quản lý tốt các hoạt động của mình.</p>	<p>- Giao dịch thẻ bao gồm cả giao dịch rút tiền.</p> <p>- Nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>
		VCB	<p>Việc liên hệ được/không liên hệ được không chỉ đo lường về "thời gian".</p> <p>Các trường hợp từ chối hoặc tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử; trong đó bao gồm trường hợp không thể liên hệ được với khách hàng</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
(iii) Các trường hợp từ chối hoặc tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử;	(iii) Các trường hợp từ chối hoặc tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử; trong đó bao gồm trường hợp không thể liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp. TCPHT quy định cụ thể về thời gian liên hệ với khách hàng trong quy định nội bộ về quản lý rủi ro.		theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp. TCPHT quy định cụ thể về các trường hợp không thể liên hệ được với khách hàng trong quy định nội bộ về quản lý rủi ro.	
		HSBC	<p>Đề nghị NHNN điều chỉnh tiết (iii) như sau:</p> <p>“(iii) Các trường hợp từ chối hoặc tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử; trong đó bao gồm trường hợp thẻ có giao dịch thanh toán bất thường hoặc/và có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật nhưng không thể liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp. TCPHT quy định cụ thể về thời gian liên hệ với khách hàng trong quy định nội bộ về quản lý rủi ro”</p> <p><u>Lý do:</u> Trên thực tế, có những khách hàng hợp pháp, sử dụng tài khoản, thẻ đúng mục đích và hợp pháp nhưng vẫn không bắt máy, không kiểm tra email thường xuyên.</p> <p>Nếu chỉ căn cứ tiêu chí "không liên hệ được khách hàng" để tiến hành điều tra tài khoản thẻ thì sẽ làm giảm hiệu quả cảnh báo và có thể ảnh hưởng đến trải nghiệm của khách hàng. Những tài khoản thẻ cần tiến hành điều tra và xác minh thêm là những tài khoản thẻ có giao dịch bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi...của chủ thẻ hoặc/và có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến gian lận, lừa đảo và vi phạm pháp luật VÀ không thể liên lạc được với khách hàng để xác minh thông tin.</p>	
		Sacombank	<p>- Đề xuất làm rõ thông tin liên hệ là bao gồm tất cả thông tin mà khách hàng cung cấp cho Ngân hàng theo Luật phòng chống rửa tiền hay chỉ xác định một trong số các thông tin mà Ngân hàng không liên hệ được là đã có thẻ từ chối hoặc tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử.</p> <p>- Việc áp dụng quy định này có chi phối đến tất cả</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			các sản phẩm khác tại Ngân hàng hay không? Hiện dự thảo Thông tư 17 cũng quy định tương tự. Lý do: Làm rõ thông tin nhằm đảm bảo tính thống nhất xây dựng quy trình quy định.	
		SHB	<p>- Dự thảo chỉ đưa ra quy định chung về việc ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định nội bộ về thời gian liên hệ với khách hàng trong trường hợp tạm dừng giao dịch tài khoản thanh toán do không thể liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp. Việc không thể liên hệ với khách hàng được hiểu là đã thực hiện liên hệ với khách hàng theo tất cả các thông tin do Khách hàng cung cấp (bao gồm cả việc trực tiếp liên hệ tại địa chỉ của Khách hàng) hay là chỉ cần liên hệ qua một trong số các thông tin liên hệ do Khách hàng cung cấp? Nếu hiểu phải áp dụng tất cả các biện pháp liên hệ với Khách hàng bao gồm cả liên hệ trực tiếp tại địa chỉ của Khách hàng sẽ gây khó khăn cho TCPHT. Ngoài ra, việc cho phép TCPH quy định cụ thể về thời gian liên hệ nhưng không nêu rõ cách thức liên hệ, tần suất liên hệ như thế nào cũng sẽ tiềm ẩn rủi ro cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thực hiện tạm ngừng giao dịch và có thiệt hại cho khách hàng dẫn đến khách hàng khiếu kiện, kiện tụng.</p> <p>- Đề xuất: Cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi như sau: “(iii) Các trường hợp từ chối hoặc tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử; trong đó bao gồm trường hợp không liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp. Tần suất, hình thức và các nội dung khác liên quan đến việc liên hệ với khách hàng do TCPHT chủ động quy định”. Theo đó, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ chủ động quy định</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			và thực hiện việc liên hệ với khách hàng, chịu trách nhiệm đối với việc này.	
		Home Credit	Home Credit kính đề nghị NHNN làm rõ về cách hiểu khái niệm “ <i>liên hệ</i> ” tại điều khoản này để TCPHT có cơ sở thực hiện chính xác, cụ thể: (i) Có phải bắt buộc cho tất cả các thẻ không? Vì có những thẻ mặc dù TCPHT không thực hiện “ <i>liên hệ</i> ” nhưng khách hàng vẫn thực hiện đúng và đủ tất cả các nghĩa vụ (ví dụ: trả nợ); Việc “ <i>liên hệ</i> ” bao gồm những hình thức nào, chẳng hạn như thông qua xác nhận qua ứng dụng di động của TCPHT hoặc qua kênh ZNS có được xem là liên hệ không, hay bắt buộc phải là theo cách thức truyền thống như điện thoại hoặc gặp mặt?	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.
e) Có biện pháp kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ, bao gồm: biện pháp kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng đã thu thập trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ; biện pháp ngăn chặn các hành vi mạo danh, can thiệp, chỉnh sửa, làm sai lệch việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ; biện pháp kỹ thuật, giải pháp công nghệ để đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng theo quy định tại	e) Có biện pháp kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ, bao gồm: (i) Biện pháp kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng đã thu thập trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ; (ii) Biện pháp ngăn chặn các hành vi mạo danh, can thiệp, chỉnh sửa, làm sai lệch việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ; (iii) Biện pháp kỹ thuật, giải pháp công nghệ để đối chiếu	ACB	Hiện TCPHT đã triển khai hình thức xác nhận EMV 3-D Secure hoặc các hình thức xác thực tương tự theo quy định. Về việc “áp dụng các hình thức xác nhận giao dịch điện tử đối với các giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến” ACB kiến nghị: Áp dụng với loại hình giao dịch 3DS (secured), đối với giao dịch không 3DS (unsecured) yêu cầu phải có biện pháp xác thực từng giao dịch sẽ phát sinh nhiều chi phí cho NHPH vì phải dựng hệ thống xác thực OTP/Safekey cho từng giao dịch, không phân biệt giữa 3DS/Non-3DS.	Hình thức xác thực đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 50/2024/TT-NHNN.
		Sacom bank	Đề xuất không áp dụng quy định tại Điều 17.1.e.(iv) Dự thảo đối với các giao dịch bằng thẻ vật lý tại máy giao dịch tự động và thanh toán tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán hoặc bổ sung hướng dẫn biện pháp thực hiện để có cơ sở áp dụng thống nhất. Lý do: - Theo Điều 17.1.e.(iv) Dự thảo, TCPHT phải có	Việc cung ứng các biện pháp đảm bảo việc sử dụng thẻ được thực hiện bởi chính chủ thẻ phải được thực hiện trong toàn bộ quá trình sử dụng thẻ nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thẻ.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
điểm b khoản 1 Điều 10 và khoản 6 Điều 16 Thông tư này; biện pháp đảm bảo việc sử dụng thẻ được thực hiện bởi chính chủ thẻ; các biện pháp khác do TCPHT quy định nhằm phòng, chống rủi ro gian lận, mạo danh, vi phạm pháp luật hoặc lợi dụng thẻ cho mục đích bất hợp pháp;	khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 và khoản 6 Điều 16 Thông tư này; (iv) Biện pháp đảm bảo việc sử dụng thẻ được thực hiện bởi chính chủ thẻ; trong đó áp dụng các hình thức xác nhận giao dịch điện tử đối với các giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng. (v) Các biện pháp khác do TCPHT quy định nhằm phòng, chống rủi ro gian lận, mạo danh, vi phạm pháp luật hoặc lợi dụng thẻ cho mục đích bất hợp pháp;		biện pháp đảm bảo việc sử dụng thẻ được thực hiện bởi chính chủ thẻ. - Theo khoản 7 Điều 16 (bổ sung theo Dự thảo), việc đối chiếu GTTT và thông tin sinh trắc học không áp dụng với trường hợp thực hiện giao dịch bằng thẻ vật lý tại máy giao dịch tự động và thanh toán tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán. - Theo Điều 2.1 Thông tư 50/2024/TT-NHNN, dịch vụ Online Banking không bao gồm các giao dịch trực tiếp tại các đơn vị chấp nhận thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán, qua Mã phản hồi nhanh hiển thị từ phía khách hàng	
		HSBC	Đề xuất NHNN điều chỉnh tiết (i) như sau: (i) Biện pháp kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng đã thu thập trong quá trình phát hành và sử dụng thẻ khi khách hàng có yêu cầu thay đổi thông tin nhận biết khách hàng hoặc đối với tập khách hàng ngân hàng có rủi ro cao; Lý do: Do số lượng khách hàng cá nhân rất lớn, nên liên tục phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình sử dụng thẻ sẽ tốn rất nhiều nguồn lực, trong khi việc kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình phát hành thẻ lần đầu đã được thực hiện. Nên ngân hàng đề xuất chỉ kiểm tra lại trong một số tình huống cụ thể.	Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư.
Điều 26. Báo cáo 2. TCPHT phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) quy định nội bộ về cấp tín dụng và quản lý khoản cấp tín dụng dưới hình	Điều 26. Báo cáo 2. TCPHT phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) quy định nội bộ về cấp tín dụng và quản lý khoản cấp tín dụng dưới hình	ACB	ACB kiến nghị: Cần làm rõ thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung là tính theo ngày làm việc hay ngày lịch, để TCPHT thực hiện theo đúng thời gian quy định.	Quy định tại dự thảo Thông tư là “10 ngày”.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
thức phát hành thẻ tín dụng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung.	thức phát hành thẻ tín dụng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung.			
Điều 27. Cung cấp thông tin 5. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, TCPHT cung cấp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước thông tin về các thẻ, chủ thẻ có dấu hiệu gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo hướng dẫn kỹ thuật kết nối của Ngân hàng Nhà nước. TCPHT phải thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin tại Phụ lục 02 và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước khi có thay đổi; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.	5. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, TCPHT cung cấp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước thông tin về các thẻ, chủ thẻ nghi ngờ liên quan gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo hướng dẫn kỹ thuật kết nối của Ngân hàng Nhà nước. TCPHT phải thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin tại Phụ lục 02 và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước khi có thay đổi; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.	MB	Đề xuất quy định rõ quy trình rà soát, xác minh và cập nhật danh sách thẻ, chủ thẻ nghi ngờ liên quan gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật. Việc bổ sung rõ quy trình rà soát, xác minh và cập nhật danh sách nhằm tránh ảnh hưởng đến khách hàng hợp pháp.	TCPHT chủ động có biện pháp rà soát, xác minh khách hàng nằm trong danh sách nghi ngờ gian lận giả mạo để cập nhật báo cáo NHNN.
		VCB	1. Đề nghị bổ sung nội dung in đậm sau: TCPHT phải thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin tại Phụ lục 02 <i>theo quy định về báo cáo NHNN qua Hệ thống SIMO</i> và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước khi có thay đổi; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước. Lý do: Cần quy định rõ tham chiếu quy định của NHNN về quy định trong báo cáo để các NH có cơ sở thực hiện và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. 2. Đề xuất bỏ nội dung: “TCPHT phải thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin tại Phụ lục 02 và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước khi có thay đổi; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.” Lý do: (i) Khoản 5 - Điều 27 đã có qui định rất rõ trách nhiệm của các TCPHT cung cấp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước thông tin về các thẻ, chủ thẻ nghi ngờ liên quan gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng. (ii) Khi cung cấp thông tin đương nhiên các ngân	Nghiệp cứu, tiếp thu chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			hàng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin.	
		HSBC	<p>Đề nghị NHNN sửa đổi đoạn thứ hai của khoản 5 Điều 27 như sau:</p> <p>“TCPHT phải thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin tại Phụ lục 02, và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước khi có thay đổi; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.”</p> <p>Lý do: Quy định hiện tại đã yêu cầu ngân hàng phải rà soát và báo cáo cho NHNN vào ngày 10 hàng tháng, việc bổ sung thêm nghĩa vụ “thường xuyên rà soát” ở đoạn thứ 2 này là không cần thiết.</p>	Ngoài thời hạn định kỳ báo cáo, TCPHT thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo danh sách khách hàng nghi ngờ gian lận lừa đảo vi phạm pháp luật luôn được cập nhật.
<p>Phụ lục số 02. Danh sách thẻ, chủ thẻ nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật</p> <p>Tại Cột (14): Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) tương ứng như sau:</p> <p>1. Thẻ ghi nợ gắn với tài khoản thanh toán, ví điện tử nằm trong danh sách tài khoản thanh toán, ví điện tử nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;</p> <p>2. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do chủ thẻ cung cấp khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;</p> <p>3. Thẻ nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không</p>	<p>Phụ lục số 02. Danh sách thẻ, chủ thẻ nghi ngờ liên quan gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật</p> <p>Tại Cột (14): Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) tương ứng như sau:</p> <p>1. Thẻ ghi nợ gắn với tài khoản thanh toán, ví điện tử nằm trong danh sách tài khoản thanh toán, ví điện tử nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;</p> <p>2. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do chủ thẻ cung cấp khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;</p> <p>3. Thẻ nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không</p>	ACB	<p>ACB kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần nêu rõ những thông tin cụ thể phải đối chiếu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để trích xuất được dữ liệu báo cáo. - Cần cung cấp dữ liệu nguồn trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư làm cơ sở để đối chiếu với dữ liệu trích xuất từ hệ thống nội bộ của TCPHT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông tin cần thu thập theo quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền. - TCPHT chủ động kết nối với tổ chức cung cấp dịch vụ để đối chiếu dữ liệu.
		VCB	<p>Cần quy định rõ, cụ thể hơn về một số dấu hiệu để các NH có cơ sở thực hiện. Cụ thể:</p> <p>1. Đối với bộ tiêu chí, VCB đánh giá chung có 2 nguyên nhân dẫn đến các hành vi thanh toán bất thường: (i) Chính chủ thẻ thực hiện hoặc (ii) Do chủ thẻ bị lừa đảo, giả mạo, lộ thông tin (chủ thẻ là người bị thiệt hại).</p> <p>-> Do vậy, đề nghị NHNN xem xét tách dấu hiệu thành 2 nhóm nguyên nhân để các NH có cơ sở thực hiện báo cáo NHNN và ứng xử tại nội bộ các NH (để tránh ảnh hưởng đến KH đã báo cáo NHNN).</p> <p>2. VCB có ý kiến góp ý cụ thể đối với một số dấu</p>	<p>1. Đối với các trường hợp nghi ngờ, TCPHT thực hiện xác minh làm rõ với chủ thẻ, theo đó, TCPHT cần cập nhật thường xuyên danh sách khách hàng nghi ngờ gian lận, lừa đảo, giả mạo.</p> <p>2. Nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
gian mạng; 4. Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường; 5. Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ thẻ; 6. Giao dịch sai PIN, OTP, thông tin thẻ nhiều lần; 7. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; 8. Giao dịch thanh toán khống tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch thẻ tại đơn vị chấp nhận thẻ ở nước ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc tại đơn vị chấp nhận thẻ nằm trong danh	gian mạng; 4. Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường; 5. Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ thẻ; 6. Giao dịch sai PIN, OTP, thông tin thẻ nhiều lần; 7. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; 8. Giao dịch thanh toán khống tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch thẻ tại đơn vị chấp nhận thẻ ở nước ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc tại đơn vị chấp nhận thẻ nằm trong danh		hiệu như sau: - Dấu hiệu số 3: hầu hết đây là các KH thật bị lộ thông tin thẻ và bị rao bán trên mạng, KH không phải đối tượng rao bán. Đề nghị NHNN xem xét quy định lại về các trường hợp nào thì báo cáo. - Dấu hiệu số 4: Đề xuất NHNN sửa dấu hiệu 4 là các yếu tố tổng hợp: “Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường đồng thời không thể liên hệ được với chủ thẻ”, do như dự thảo thì phạm vi báo cáo là rất rộng và không có cơ sở nghi ngờ cụ thể -> cần wording lại cho rõ hơn - Dấu hiệu số 6: Đối với GD sai Pin, sai OTP, nguyên nhân có thể xuất phát từ việc: i) chính KH thực hiện, ii) giao dịch mạo danh chủ thẻ do chủ thẻ bị lộ thông tin hoặc cho thuê/mượn tài khoản...Đề nghị NHNN xem xét quy định lại về các trường hợp nào thì báo cáo.	
		HDBank	Hướng dẫn cụ thể thêm cho tiêu chí này: xác định như thế nào là trường hợp “không thể liên hệ được với chủ thẻ”. Để các TCPHT có cơ sở thống kê giao dịch theo đúng yêu cầu của NHNN.	Nội dung này thực hiện theo quy định nội bộ của TCPHT.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
sách đơn vị chấp nhận thanh toán nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật; 9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.”	sách đơn vị chấp nhận thanh toán nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật; 9. Thẻ có giao dịch nhưng không thể liên hệ được với chủ thẻ; 10. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.”	MB	1. Trường hợp NH gọi điện thoại quảng cáo, chào bán các sản phẩm dịch vụ hoặc nâng hạng/gia hạn thẻ nhưng khách hàng không nghe máy/trả lời email thì xử lý như thế nào? 2. Đề nghị làm rõ thêm về nội dung "thẻ có giao dịch nhưng không thể liên hệ được với chủ thẻ" 3. Đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung " thẻ có phát sinh giao dịch bất thường theo các tiêu chí được nhận diện chủ động tại TCPHT nhưng không thể liên hệ được với chủ thẻ" Do nếu chỉ viết chung chung là "thẻ có giao dịch nhưng không thể liên hệ được với chủ thẻ" thì phạm vi tác động đến KH quá rộng 4. Đề xuất bỏ cụm từ “Chứng minh nhân dân” tại phần Hướng dẫn lập bảng: Cột (3) của Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 18/2024/TT-NHNN để phù hợp với quy định tại Luật Căn cước năm 2023	- Nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại dự thảo Thông tư. - Giữ nguyên “Chứng minh nhân dân” đối với các trường hợp khách hàng trước đây nằm trong danh sách ghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật và chưa thực hiện cập nhật thông tin giấy tờ tùy thân.
Ý kiến khác				
Điều 3: Giải thích từ ngữ 2. Thẻ ghi nợ (debit card) là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi số tiền và hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại tổ chức phát hành thẻ. 3. Thẻ tín dụng (credit card) là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với tổ chức phát hành thẻ.		VCB	Đây không phải các nội dung được sửa đổi tại Dự thảo Thông tư, tuy nhiên, là các vướng mắc Vietcombank đã báo cáo, kiến nghị NHNN theo yêu cầu của NHNN tại công văn số 4065/NHTT-TT ngày 16/05/2024 v/v phòng ngừa rủi ro trong hoạt động thẻ. Theo đó, các định nghĩa về thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng không có điều chỉnh tại dự thảo sửa đổi Thông tư, đồng thời, các NH cũng chưa nhận được hướng dẫn, chỉ đạo của NHNN để xử lý vướng mắc liên quan đến sự khác biệt giữa quy định của NHNN và quy định của TCTQT, cụ thể như dưới đây: - Theo TT 18, NHNN quy định chủ thẻ chỉ thực hiện giao dịch trong phạm vi số dư thực có trên tài khoản thanh toán và hạn mức thấu chi theo thỏa thuận trước với TCTD (đối với thẻ ghi nợ) hoặc	Tiếp nhận thông tin và phối hợp trong quá trình triển khai Thông tư.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>trong phạm vi hạn mức tín dụng đã thỏa thuận trước với TCTD.</p> <p>- Trong khi đó, các TCTQT lại quy định về các giao dịch đặc biệt, cho phép TCTTT được xin cấp phép với số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán (ví dụ xăng dầu, khách sạn, spa, thuê xe, hoặc trong tương lai là các giao dịch thanh toán vé tàu điện, đường sắt,...) dẫn đến khả năng khách hàng có thể chi tiêu vượt quá số tiền có trong tài khoản thẻ ghi nợ hoặc vượt quá hạn mức thẻ tín dụng được cấp, gây rủi ro cho ngân hàng trong việc đòi tiền khách hàng hoặc khả năng phát sinh lợi dụng. Cũng theo quy định của các TCTQT, Vietcombank, trong vai trò là TCPHT, không được quyền tra soát trong các trường hợp này.</p> <p>- Do đó, Vietcombank đề xuất: NHNN trao đổi với TCTQT để có quy định, chính sách phù hợp tại thị trường Việt Nam đảm bảo an toàn cho ngân hàng và khách hàng.</p> <p>Chi tiết báo cáo và kiến nghị tại Công văn số 9672/VCB-PTSPBL ngày 03/06/2024 của Vietcombank v/v Phòng ngừa rủi ro trong hoạt động thẻ (đính kèm).</p>	
Điều 3. Giải thích từ ngữ 11. Thẻ giả là thẻ không do tổ chức phát hành thẻ phát hành nhưng có chứa các thông tin của thẻ thật, chủ thẻ thật. 12. Giao dịch thẻ gian lận, giả mạo là giao dịch bằng thẻ giả, giao dịch sử dụng trái phép thẻ.		Sacom bank	<p>Đề xuất bổ sung khái niệm “giao dịch sử dụng trái phép thẻ”</p> <p>Lý do: Thông tư 18 ghi nhận nhiều quy định liên quan đến thẻ/giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; đồng thời, đã có khái niệm “giao dịch thẻ gian lận, giả mạo” và “thẻ giả” nhưng chưa quy định khái niệm “giao dịch sử dụng trái phép thẻ”.</p>	Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình hoàn thiện dự thảo Thông tư.
Điều 4. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch thẻ 1. Trên lãnh thổ Việt Nam: a) Giao dịch rút tiền mặt bằng		VCB	<p>Liên quan đến quy định về Đồng tiền sử dụng trong giao dịch thẻ tại Điều 4 – Thông tư 18, VCB kiến nghị NHNN xem xét về việc VCB triển khai dịch vụ Thanh toán hàng hóa bằng ngoại tệ linh hoạt</p>	TCPHT triển khai cung ứng dịch vụ trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
<p>thẻ phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam;</p> <p>b) Đối với các giao dịch thẻ khác:</p> <p>(i) Đồng tiền giao dịch là đồng Việt Nam. Trường hợp được sử dụng ngoại hối để giao dịch theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối thì đồng tiền thể hiện trong giao dịch là đồng Việt Nam hoặc đồng Việt Nam và ngoại tệ;</p> <p>(ii) Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam. Các ĐVCNT chỉ được nhận thanh toán bằng đồng Việt Nam từ TCTTT;</p> <p>c) Trường hợp cần quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ theo tỷ giá do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Ngoài lãnh thổ Việt Nam:</p> <p>Khi thực hiện giao dịch thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam, chủ thẻ phải thực hiện thanh toán cho TCPHT bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>			<p>(MCP) có phù hợp với quy định của Thông tư 18 hay không. Thông tin về dịch vụ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • VCB hợp tác với ĐVCNTT triển khai dịch vụ cho phép Khách hàng linh hoạt lựa chọn đồng ngoại tệ quy đổi khi thực hiện giao dịch thanh toán thẻ. • Thông tin về số tiền giao dịch gốc (VNĐ), số tiền quy đổi ngoại tệ và tỷ giá giao dịch được hiển thị đầy đủ trên màn hình giao dịch cho Khách hàng. • Việc xử lý giao dịch vẫn đảm bảo đồng tiền niêm yết tại ĐVCNTT là Đồng Việt Nam, đồng tiền được VCB thanh toán cho ĐVCNTT là Đồng Việt Nam theo đúng quy định của Thông tư. <p>- Trường hợp phù hợp, VCB kiến nghị NHNN xem xét điều chỉnh nội dung quy định tại Khoản 1.b, Điều 4 bổ sung quy định:</p> <p>“Trường hợp TCTTT có thỏa thuận với ĐVCNT và Khách hàng về việc chuyển đổi số tiền giao dịch sang đồng ngoại tệ khi thực hiện giao dịch thanh toán tại ĐVCNT thì đồng tiền thể hiện trong giao dịch là đồng Việt Nam và đồng ngoại tệ.”</p>	
Điều 9. Thủ tục phát hành thẻ 2. Trước khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ theo yêu cầu của khách hàng, TCPHT yêu cầu chủ thẻ cung		Sacom bank	Đề xuất bổ sung nội dung quy định rõ/hướng dẫn KH cá nhân là người VN chưa xác định được quốc tịch thực hiện thu thập thông tin nhận biết KH theo quy định áp dụng với đối tượng nào nêu trên để thống nhất cách áp dụng giữa Thông tư 17, Thông	Nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhằm nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan: b) Trường hợp khách hàng cá nhân là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, TCPHT yêu cầu khách hàng cung cấp giấy tờ tùy thân để nhận biết khách hàng: Giấy chứng nhận căn cước;			tư 18 và Luật PCRT. Lý do: Điều 10.1 Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 (Luật PCRT) hướng dẫn thu thập thông tin nhận biết khách hàng (KH) với đối tượng KH cá nhân gồm người Việt Nam, người nước ngoài và người không quốc tịch	
Điều 13. Hạn mức thẻ 4. Đối với thẻ trả trước, TCPHT quy định cụ thể hạn mức số dư, hạn mức nạp thêm tiền vào thẻ và hạn mức giao dịch; đảm bảo số dư tại mọi thời điểm trên một thẻ trả trước vô danh không được quá 05 (năm) triệu đồng Việt Nam; tổng hạn mức giao dịch (bao gồm giao dịch rút tiền mặt, giao dịch chuyển khoản, giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ) trên một thẻ trả trước định danh không được quá 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng.		Sacom bank	Theo Điều 26.1 Thông tư 40/2024/TT-NHNN, tổng hạn mức giao dịch 100 triệu VND/tháng không áp dụng với giao dịch rút tiền ra khỏi ví điện tử về TKTT VND của chủ ví điện tử tại ngân hàng liên kết. Áp dụng tương tự quy định trên với quy định tại Điều 13.4 Thông tư 18, đề xuất không áp dụng tổng hạn mức giao dịch 100 triệu VND/tháng đối với giao dịch chuyển khoản từ thẻ trả trước định danh đến TKTT, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh của chính chủ thẻ.	Không tiếp thu. Hạn mức thẻ trả trước đã được nghiên cứu và xây dựng phù hợp thực tế sử dụng của loại thẻ này.
Điều 14. Cấp tín dụng qua thẻ 1. Việc cấp tín dụng qua thẻ tín dụng phải đảm bảo các yêu cầu sau: c) Đối với khoản cấp tín dụng qua thẻ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này,		VIB	Thực trạng: việc cấp tín dụng qua Thẻ là hình thức cấp tín dụng có: mục đích và cơ chế sử dụng – hoàn trả khoản tín dụng theo đặc điểm tiêu dùng phục vụ đời sống cá nhân, chi tiêu thanh toán nhỏ lẻ đến các dịch vụ, hàng hóa phục vụ đời sống có giá trị lớn, phát sinh nhiều, liên tục và không phù hợp liệt kê, xác định chi tiết trước khi cấp tín dụng.	Không tiếp thu.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
<p>TCPHT phải có tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng;</p> <p>d) Đối với khoản cấp tín dụng qua thẻ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, TCPHT phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp và thông tin về người có liên quan trước khi quyết định cấp tín dụng;</p>			<p>Đề xuất: để đảm bảo thực thi đúng và phù hợp với thực tế của yêu cầu cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” tại khoản 1.d_ Điều 14, NHNN xem xét làm rõ/ bổ sung hướng dẫn về cách thức/tiêu chuẩn áp dụng cho yêu cầu này.</p>	
		Visa	<p>Theo quy định tại Điều 14 Thông tư 18/2024/TT-NHNN, TCPHT phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp và thông tin về người có liên quan trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng qua thẻ có giá trị từ 400 triệu đồng trở lên.</p> <p>Visa hiểu rằng các quy định nêu trên được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 102 Luật các Tổ chức Tín dụng (TCTD). Cụ thể, Điều 102 quy định tổ TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, trừ trường hợp các khoản cấp tín dụng có mức giá trị nhỏ, bao gồm các khoản cấp tín dụng qua thẻ, với mức giá trị nhỏ do Thống đốc NHNN quy định.</p> <p>Chúng tôi kính mong NHNN xem xét và cân nhắc thêm đối với quy định tại Điều 102 Luật Các TCTD và Điều 14 Thông tư 18/2024/TT-NHNN, vì những lý do sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thứ nhất, sự khác biệt về bản chất giữa thẻ tín dụng và khoản vay cá nhân: Thẻ tín dụng cho phép khách hàng sử dụng một khoản tín dụng quay vòng với một giới hạn tín dụng cụ thể. Thẻ tín dụng không gắn với một mục đích cụ thể đối với việc sử dụng khoản tín dụng đó. Ngược lại, một khoản vay 	<p>Thẻ tín dụng là một trong các hình thức cấp tín dụng, theo đó cần phải thực hiện tuân thủ theo các quy định về cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các TCTD.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>cá nhân là một khoản tiền vay cố định cho một mục đích sử dụng cụ thể. Việc yêu cầu khách hàng cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” cho khoản cấp tín dụng qua thẻ từ 400 triệu đồng trở lên như đối với khoản vay cá nhân sẽ đi ngược lại bản chất vốn có của thẻ tín dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thứ hai, về tính khả thi của quy định: Thông tư 18/2024/TT-NHNN hiện nay chưa có quy định cụ thể về khái niệm “khoản cấp tín dụng qua thẻ”. Do vậy, các TCPHT gặp khó khăn trong việc xác định khoản cấp tín dụng qua thẻ với giá trị từ 400 triệu đồng trở lên là trường hợp (i) thẻ tín dụng có hạn mức thanh toán từ 400 triệu đồng trở lên, hay (ii) một khoản thanh toán có giá trị từ 400 triệu đồng trở lên. Đối với trường hợp (i), sẽ không phù hợp và không khả thi với TCPHT khi yêu cầu khách hàng cung cấp phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp khi bản thân khách hàng, ở thời điểm mở thẻ, cũng chưa thể xác định mình sẽ sử dụng thẻ tín dụng cho những khoản thanh toán nào trong tương lai. Đối với trường hợp (ii), cũng sẽ không phù hợp và không khả thi với TCPHT khi yêu cầu khách hàng cung cấp phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước thời điểm khách hàng thực hiện bất kỳ giao dịch có giá trị từ 400 triệu đồng trở lên. Hơn nữa, quy định cũng cần làm rõ khoản cấp tín dụng qua thẻ nên được xác định theo giá trị hạn mức thẻ tín dụng hay giá trị của một khoản thanh toán cụ thể. Thứ ba, tác động đến sự phát triển của thị trường: Việc yêu cầu khách hàng cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” và “thông tin về người có liên quan” 	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>có thể cản trở sự phát triển của thẻ tín dụng trên thị trường Việt Nam. Bởi lẽ yêu cầu này có thể ngăn cản các khách hàng tiềm năng mở thẻ tín dụng, người mà có mong muốn hưởng lợi từ sự linh hoạt của thẻ tín dụng bằng việc sử dụng một khoản tín dụng quay vòng mà không cần chứng minh mục đích sử dụng hoặc cung cấp kế hoạch sử dụng chi tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thứ tư, các thông lệ và chuẩn mực thực hành tốt nhất trên toàn cầu: Việc yêu cầu khách hàng cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” và “thông tin về người có liên quan” không phải là một thông lệ chung trong thị trường thẻ tín dụng trên toàn cầu. Hầu hết các tổ chức phát hành thẻ tín dụng không yêu cầu chủ thẻ phải cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” và “thông tin về người có liên quan”. Do vậy, yêu cầu này sẽ đặt Việt Nam vào vị trí kém cạnh tranh hơn trong phát triển thẻ tín dụng, cũng như sẽ tạo ra những gánh nặng không cần thiết cho các khách hàng tiềm năng. Thứ năm, tính tiện lợi cho khách hàng: Yêu cầu này có thể dẫn đến những sự bất tiện cho khách hàng. Một trong những ưu điểm chính của thẻ tín dụng là tính tiện lợi trong quá trình sử dụng. Yêu cầu khách hàng phải cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” và “thông tin về người có liên quan” sẽ tạo ra rắc rối cho khách hàng và do vậy có thể làm cho họ quay lưng lại với sản phẩm thẻ tín dụng. Thứ sáu, quản lý rủi ro: Các tổ chức phát hành thẻ tín dụng hiện đang triển khai nhiều giải pháp quản lý rủi ro, như thiết lập mức tín dụng tuân hoàn không bảo đảm và xác định hạn mức tín dụng trên 	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>cơ sở khả năng trả nợ của chủ thẻ. Các biện pháp này được thiết kế nhằm hạn chế rủi ro không thể thanh toán của khách hàng. Do vậy, việc yêu cầu khách hàng phải cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” là không cần thiết.</p> <p>Cuối cùng, quan ngại về quyền riêng tư: Việc yêu cầu khách hàng cung cấp “phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp” và “thông tin về người có liên quan” có thể dẫn đến các quan ngại về quyền riêng tư. Khách hàng có thể không muốn chia sẻ thông tin chi tiết về mục đích sử dụng thẻ tín dụng cũng như cung cấp thông tin về người có liên quan của họ. Điều này có thể dẫn đến việc thị trường thẻ tín dụng Việt Nam sẽ mất nhiều khách hàng cũng như ảnh hưởng đến hình ảnh của thị trường nói chung.</p>	
<p>Điều 17. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong sử dụng thẻ</p> <p>1. TCPHT:</p> <p>o) Quy định về giấy tờ, chứng từ liên quan đến các giao dịch thẻ ra nước ngoài và thực hiện kiểm tra, lưu trữ giấy tờ, chứng từ theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối, giao dịch điện tử;</p>		MB	<p>Đề nghị NHNN quy định cụ thể các giấy tờ, chứng từ liên quan đến GD thẻ ra nước ngoài là gì? Và TCPHT phải kiểm tra, lưu trữ như thế nào?</p> <p>Do thực tế hiện nay, chưa có quy định hay hướng dẫn cụ thể nào của NHNN quy định cho nội dung này, gây khó khăn cho các NH khi triển khai để đảm bảo tuân thủ quy định của PL</p>	Thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối.
<p>Chưa quy định rõ các nội dung về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo mật thông tin khách hàng; - Phí và lãi suất; - Xử lý khiếu nại, tra soát. 		MB	<p>Bảo mật thông tin khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có các quy định cụ thể hơn về việc bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng khi sử dụng thẻ, đặc biệt là trong bối cảnh giao dịch trực tuyến ngày càng phổ biến. - TCPHT và TCCNT cần có các biện pháp phòng ngừa và xử lý các rủi ro liên quan đến gian lận, đánh cắp thông tin thẻ. 	<p>- Nội dung về bảo vệ, xử lý dữ liệu cá nhân đã được quy định tại Điều 10 (phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử); khoản 1 Điều 12 (hợp đồng phát hành thẻ); khoản 5 Điều 17 (đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thẻ). Ngoài ra, TCPHT phải tuân thủ quy định về bảo vệ dữ</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>- Cần bổ sung các trường hợp bất khả kháng, ví dụ hacker, để có thể miễn trừ trách nhiệm của TCPHT, TCCNT.</p> <p>Phí và lãi suất:</p> <p>- Cần có quy định rõ ràng và minh bạch hơn về các loại phí liên quan đến thẻ (phí phát hành, phí thường niên, phí giao dịch, phí rút tiền mặt, ...) và lãi suất áp dụng cho các khoản vay qua thẻ.</p> <p>Điều này giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và tránh tình trạng lạm dụng phí của các ngân hàng.</p> <p>Xử lý khiếu nại, tra soát:</p> <p>- Quy trình tra soát, xử lý khiếu nại cần được đơn giản hóa và rút ngắn thời gian để đảm bảo quyền lợi của người dùng.</p> <p>- Cần có các quy định rõ ràng về thời gian xử lý khiếu nại và các biện pháp khắc phục hậu quả khi có sai sót xảy ra.</p>	<p>liệu cá nhân theo quy định tại Nghị định số 13/2023/ND-CP và các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>- Về xử lý khiếu nại, tra soát: Thông tư số 18 đã đưa ra các quy định cơ bản về việc xử lý tra soát, khiếu nại bao gồm cả thời hạn xử lý. TCPHT cần phải cụ thể hóa quy trình xử lý tra soát, khiếu nại và tối ưu hóa thời gian xử lý đảm bảo quyền lợi khách hàng.</p> <p>- Các nội dung khác sẽ được nghiên cứu và hoàn thiện tại dự thảo (nếu cần thiết).</p>
<p>Thông tư 18/2024/TT-NHNN chưa đề cập cụ thể và chưa có quy định rõ ràng về cơ chế BIN sponsor (cho phép tổ chức không có giấy phép phát hành thẻ sử dụng mã BIN của TCPHT được cấp phép để phát hành thẻ). Mặc dù thực tế tại Việt Nam, cơ chế này đã được một số TCPHT áp dụng thông qua các thỏa thuận hợp tác giữa với các tổ chức fintech, Thông tư 18 chưa chính thức hóa hoặc đưa ra quy định chi tiết để quản lý cơ chế này.</p>		VCB	<p>Để thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và hỗ trợ các tổ chức fintech, đề nghị NHNN xem xét bổ sung quy định về cơ chế BIN sponsor vào Thông tư 18/2024/TT-NHNN, bao gồm:</p> <p>- Xác định rõ cơ chế BIN sponsor: Quy định tổ chức không có giấy phép phát hành thẻ có thể hợp tác với TCPHT được cấp phép để sử dụng mã BIN, phát hành thẻ đồng thương hiệu hoặc thẻ mang thương hiệu riêng hoặc sử dụng BIN thẻ để nhận diện và xử lý các giao dịch qua hệ thống thẻ.</p> <p>- Phân định trách nhiệm: Làm rõ trách nhiệm pháp lý, quản lý rủi ro và bảo mật thông tin giữa TCPHT và tổ chức đối tác.</p> <p>- Quy trình hợp tác: Hướng dẫn quy trình triển khai, báo cáo và giám sát hoạt động BIN sponsor.</p> <p>Việc bổ sung cơ chế này sẽ tạo hành lang pháp lý minh bạch, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong</p>	<p>Không tiếp thu. Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, TCPHT có thể hợp tác với các tổ chức khác để phát hành thẻ, tuy nhiên TCPHT là đơn vị chịu toàn bộ trách nhiệm theo quy định tại Thông tư số 18.</p>

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			lĩnh vực fintech, đồng thời đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.	
Chưa quy định		Visa	<p>Việc triển khai rộng rãi giải pháp mã hóa bảo mật Tokenization trên toàn thị trường không chỉ giúp tăng cường an ninh, an toàn, bảo mật trong thanh toán thẻ mà còn thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong các trải nghiệm thanh toán mới như thanh toán với thiết bị đeo, thanh toán qua Internet of Thing - IoT, xác thực sinh trắc học và khóa truy cập (passkeys); đồng thời cũng phù hợp với các tiêu chuẩn của EMVCo về khả năng tương tác và quản lý vòng đời của giao dịch thanh toán.</p> <p>NHNN nghiên cứu bổ sung quy định khuyến khích toàn bộ tổ chức phát hành thẻ (TCPHT) tại thị trường Việt Nam triển khai các giải pháp mã hóa bảo mật Tokenization với một thời hạn phù hợp, ví dụ như trước ngày 01/01/2027. Cụ thể như sau:</p> <p>- <u>Định nghĩa Giải pháp mã hóa bảo mật Tokenization:</u> “Tokenization là quá trình kỹ thuật trong đó dữ liệu nhạy cảm, cụ thể là số tài khoản chính (PAN) của thẻ, được thay thế bằng một mã nhận dạng duy nhất (token) được tạo ra bằng phương thức mã hóa. Token này không mang giá trị sử dụng độc lập và chỉ có hiệu lực trong các ngữ cảnh sử dụng cụ thể như thiết bị, đơn vị chấp nhận thanh toán, hoặc kênh giao dịch. Việc sử dụng token nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến việc truy cập trái phép, gian lận hoặc lộ lọt thông tin tài khoản gốc.”</p> <p>• <u>Một số yêu cầu đối với TCPHT khi triển khai giải pháp mã hóa bảo mật Tokenization:</u></p> <p>1. Về tạo lập mã token:</p> <p>✓ Mã token phải được tạo lập thông qua các kênh bảo mật, bao gồm ứng dụng ngân hàng hoặc ví</p>	Nội dung này sẽ được nghiên tiếp thu trong quá trình xây dựng TT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 50/2024/TT-NHNN.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			<p>điện tử của TCPHT.</p> <p>✓ Mã token có thể được tạo lập cả bằng phương thức thủ công hoặc cấp phát tự động (provisioning).</p> <p>✓ Quá trình tạo lập mã token phải bao gồm việc ràng buộc với thông tin của thiết bị và địa chỉ IP nhằm giới hạn phạm vi sử dụng của token.</p> <p>2. Về quản lý vòng đời của giao dịch thanh toán:</p> <p>✓ Việc kích hoạt mã token phải được thực hiện trên cơ sở cấp phát và xác thực thành công người dùng.</p> <p>✓ Phải tạm dừng hoạt động mã token trong trường hợp nghi ngờ gian lận hoặc đánh mất thiết bị.</p> <p>✓ Phải vô hiệu hóa hoàn toàn mã token trong trường hợp không còn cần thiết hoặc hết hạn.</p> <p>✓ Mã token được cấp phát lại trong trường hợp thay đổi số tài khoản chính (PAN) của thẻ hoặc thiết bị.</p> <p>3. Thời hạn hiệu lực và việc gia hạn mã token cần có khả năng cấu hình ngày hết hạn, phản ánh thông tin cập nhật mới nhất.”</p>	
		Visa	<p>Tăng cường quản lý việc lộ lọt dữ liệu thẻ</p> <p>Trong khi các giải pháp mã hóa bảo mật Tokenization sẽ giúp hạn chế tốt hơn việc lộ lọt dữ liệu thẻ so với các phương thức truyền thống hiện nay, tuy nhiên, vẫn tồn tại khả năng lộ lọt dữ liệu khi mà các ĐVCNT cố tình lưu trữ và sử dụng trái phép thông tin thẻ của người tiêu dùng.</p> <p>Chính vì vậy, chúng tôi kính đề nghị NHNN cân nhắc bổ sung vào Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định yêu cầu ĐVCNT có hoạt động thu thập, lưu trữ, xử lý và chuyển thông tin thẻ của chủ thẻ phải tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế PCI DSS; đồng thời yêu cầu tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT) có nghĩa vụ theo dõi và giám sát việc tuân thủ quy định này của</p>	

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			các ĐVCNT của mình, đồng thời có trách nhiệm báo cáo NHNN nếu xảy ra trường hợp lộ lọt dữ liệu đã được xác nhận tại các ĐVCNT của mình.	
		Visa	<p>Sử dụng dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ Thông tư 18/2024/TT-NHNN hiện chưa có quy định cho phép ngân hàng cung cấp và người tiêu dùng sử dụng dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ. Trên thế giới hiện nay, việc sử dụng dịch vụ trả góp trên thẻ ghi nợ đang ngày càng trở nên phổ biến. Các quốc gia đã triển khai dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ bao gồm: Hoa Kỳ, Canada, Úc, Malaysia, Brazil, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ, Singapore, Hàn Quốc. Dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ cho phép chủ thẻ chia nhỏ giao dịch tại điểm bán hoặc sau khi thực hiện giao dịch.</p> <p>Thực tế chứng minh dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ mang lại nhiều lợi ích thiết thực đối với toàn bộ nền kinh tế, các ngân hàng và người tiêu dùng. Đối với nền kinh tế, dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ giúp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, tăng sức mua tiêu dùng, và khuyến khích thương mại điện tử và bán lẻ hiện đại. Dịch vụ này cũng giúp các ngân hàng tăng doanh thu, mở rộng tệp khách hàng, tăng cường sử dụng tài khoản thanh toán và giảm rủi ro tín dụng. Đối với người tiêu dùng, dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ giúp họ tiếp cận dịch vụ tài chính dễ dàng hơn, quản lý chi tiêu hiệu quả, hưởng ưu đãi không lãi suất hoặc lãi suất thấp, và tăng tính linh hoạt.</p> <p>Do vậy, đề góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và tài chính toàn diện, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ thẻ ngân hàng tại Việt Nam, cũng như đưa ngành ngân hàng hội nhập sâu hơn với dịch vụ ngân hàng trên toàn cầu, chúng tôi kính mong NHNN xem xét, cân nhắc bổ sung</p>	Đối với các dịch vụ liên quan đến hoạt động thẻ, TCPHT chủ động triển khai trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Quy định tại Thông tư 18/2024/TT-NHNN	Quy định tại DTTT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến NHNN
			quy định cho phép TCPHT cung cấp dịch vụ trả góp qua thẻ ghi nợ vào Thông tư 18/2024/TT-NHNN, qua đó tạo cơ sở pháp lý và làm tiền đề cho các ngân hàng phát triển dịch vụ này tại Việt Nam.	

VỤ THANH TOÁN